

M C L C

PH N M U.....	6
Ch ng I.....	7
NH NG QUY NH CHUNG	7
M c 1	7
GI I THÍCH THU T NG	7
i u 1. nh ngh a	7
M c 2	9
TÊN G I, TR S , M C TIÊU VÀ PH M VI HO T NG.....	9
i u 2. Tên, hình th c, tr s chính, i di n theo pháp lu t, m ng l i ho t ng và th i h n ho t ng c a Ngân hàng.....	9
i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng ...	10
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	10
M c 3	10
CÁC HO T NG CHÍNH	10
i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i	11
i u 6. Ho t ng ngân hàng ut	12
i u 7. B o hi m	12
i u 8. Các ho t ng khác	12
i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng	12
i u 10. Áp d ng i u c qu c t và t p quán qu c t trong ho t ng ngân hàng.....	12
i u 11. T ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng.....	13
Ch ng II	13
V N I UL , C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U	13
M c 1	13
V N I UL	13
i u 12. V n i ul	13
i u 13. Thay i v n i ul	13
M c 2	14
C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U	14
i u 14. C ph n.....	14
i u 15. Chào bán c ph n.....	14
i u 16. Mua l i c ph n	15
i u 17. Thu h i c ph n	17
i u 18. Chuy n nh ng c ph n.....	18

i u 19. Th a k c ph n	18
i u 20. Gi i h ns h uc ph n	19
i u 21. S ng ký c ông	19
i u 22. C phi u	20
i u 23. Phát hành trái phi u	20
Ch ng III	21
C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT NGÂN HÀNG	21
M c 1	21
C C UT CH C QU N LÝ	21
i u 24. C c ut ch c qu n lý	21
M c 2	21
C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	21
i u 25. C ông	21
i u 26. Quy n c a c ông	21
i u 27. Ngh a v c a c ông	22
i u 28. i h i ng c ông	22
i u 29. Quy nh n và nhi m v c a i h i ng c ông	23
i u 30. Th m quy n tri ut p h p i h i ng c ông	24
i u 31. Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông	25
i u 32. Quy n đ h p i h i ng c ông	26
i u 33. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	26
i u 34. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	27
i u 35. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	29
i u 36. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	30
i u 37. Các i di n c y quy n	31
i u 38. Thay i các quy n	32
i u 39. Biên b nh p i h i ng c ông	32
i u 40. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	33
M c 3	33
H I NG QU N TR	33
i u 41. Thành ph n và nhi m k c a H i ng qu n tr	33
i u 42. Quy nh n và nhi m v c a H i ng qu n tr	33
i u 43. Ch t ch H i ng qu n tr	35
i u 44. Quy nh n và nhi m v c a Thành viên H i ng qu n tr	36
i u 45. Thù lao và l ích c a thành viên H i ng qu n tr	37
i u 46. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr	37
i u 47. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr	38

i u 48. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	39
i u 49. S d ng d ch v t v n chuyên nghi p	41
M c 4	41
T NG GIÁM C	41
i u 50. T ng giám c	41
i u 51. Giúp vi c cho T ng giám c	42
i u 52. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng giám c, Phó T ng giám c	42
i u 53. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c	43
M c 5	44
BAN KI M SOÁT.....	44
i u 54. Thành viên Ban ki m soát	44
i u 55. Quy n và nhi m v c a Ban ki m soát.....	44
i u 56. Quy n và nhi m v c a Tr ng Ban ki m soát	45
i u 57. Quy n và nhi m v c a thành viên Ban ki m soát	46
i u 58. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát	46
i u 59. Thù lao và các chi phí khác c a thành viên Ban ki m soát	47
i u 60. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban ki m soát	47
i u 61. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên Ban ki m soát	47
i u 62. Cu c h p c a Ban ki m soát	49
M c 6	49
NH NG TR NG H P KHÔNG C M NHI M CH C V VÀ	
NH NG TR NG H P KHÔNG CÙNG M NHI M CH C V	49
i u 63. Nh ng tr ng h p không c m nhi m ch c v	50
i u 64. Nh ng tr ng h p không cùng m nhi m ch c v	50
M c 7	51
NGH A V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT,	
T NG GIÁM C VÀ THÀNH VIÊN BAN I U HÀNH.....	51
i u 65. Công khai các l i ích liên quan	51
i u 66. Ngh a v c a Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và thành viên Ban i u hành.....	52
i u 67. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng	52
i u 68. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông, H i ng qu n tr ch p thu n.....	53
M c 8	54
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN.....	54
i u 69. Công nhân viên và công oàn.....	54
Ch ng IV.....	54

M I QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC NV THÀNH VIÊN.....	54
M c 1.....	54
CÁC NV TR C THU C, CÔNG TY TR C THU C, CÔNG TY LIÊN K T C A NGÂN HÀNG	54
i u 70. Các nv tr c thu c, Công ty tr c thu c, Công ty liên k t c a Ngân hàng.....	54
M c 2.....	54
QUAN H GI A NGÂN HÀNG V I CÁC NV TR C THU C.....	54
i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các nv tr c thu c	54
M c 3.....	54
QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	54
i u 72. Qu n lý ph n v n góp c a Ngân hàng trong các Công ty có liên quan	55
i u 73. Chi ph i, liên k t, h tr các Công ty có liên quan	55
i u 74. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty tr c thu c là Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên.....	56
i u 75. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty trách nhi m t hai thành viên tr lên, Công ty c ph n.....	56
i u 76. Quan h gi a Ngân hàng v i các Công ty liên k t	56
Ch ng V.....	56
C CH TÀI CHÍNH.....	56
M c 1.....	57
H TH NG K TOÁN VÀ N M TÀI CHÍNH.....	57
i u 77. H th ng k toán	57
i u 78. N m tài chính.....	57
M c 2.....	57
KI M TOÁN VÀ CON D U.....	57
i u 79. Ki m toán	57
i u 80. Con d u.....	58
M c 3.....	58
PHÂN CHIA L I NHU N.....	58
i u 81. Phân chia l i nhu n sau thu	58
i u 82. Trích l p qu	58
i u 83. Tr c t c	58
Ch ng VI.....	59
S SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG	59

điều 84. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	59
điều 85. Quy định về tiền, kim tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng.....	60
điều 86. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng	60
điều 87. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	61
Chương VII	61
TỔ CHỨC LĨNH VỰC VÀ PHÁP SỬ NGÂN HÀNG	61
điều 88. Tổ chức	61
điều 89. Giám đốc Ngân hàng.....	61
điều 90. Pháp sử Ngân hàng	62
Chương VIII.....	62
GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP, SAI LẦM VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG	
.....	62
điều 91. Giới quy định tranh chấp nội bộ	62
điều 92. Bổ sung và sai sót	63
Chương IX.....	63
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	63
điều 93. Điều khoản chung	63

PH N M U

C n c :

Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;

Lu t Các t ch c tín d ng c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 12 tháng 12 n m 1997 và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t Các t ch c tín d ng ngày 15 tháng 6 n m 2004;

Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 n m 2006;

Ngh nh s 59/2009/N -CP ngày 16 tháng 7 n m 2009 c a Chính ph v t ch c và ho t ng c a ngân hàng th ng m i;

Ngh nh s 139/2007/N -CP ngày 05 tháng 9 n m 2007 c a Chính ph h ng d n chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Doanh nghi p;

i u l m u áp d ng cho các công ty niêm y t trên S giao d ch Ch ng khoán/Trung tâm giao d ch Ch ng khoán ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2007/Q -BTC ngày 19 tháng 3 n m 2007 c a B tr ng B Tài chính,

Ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam (đ i ây g i t t là “Ngân hàng”) là Ngân hàng th ng m i c ph n, ho t ng theo gi y phép s 0011/NH-GP ngày 6 tháng 4 n m 1992 c a Ngân hàng Nhà n c. T ch c và ho t ng c a Ngân hàng c th c hi n theo i u l này và quy nh pháp lu t hi n hành có liên quan.

i u l này c thông qua h p l t i c u c h p i h i ng c ông Ngân hàng vào ngày 21 tháng 3 n m 2008.

Chương I
NH NG QUY NH CHUNG

Mục 1
GIỚI THÍCH THUẬT NGỮ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều 1 này, thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

b) "*Luật Các tổ chức tín dụng*" có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2004.

c) "*Pháp luật*" có nghĩa là tất cả Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác của các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo thẩm quyền liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế các quy định này.

d) "*Đạo đức kinh doanh*" là phạm vi áp dụng ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng mà tiêu chí Ngân hàng chấp hành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

e) "*Vốn đầu tư*" là số vốn do tất cả các công đồng góp và ghi tại điều 1 này.

f) "*Ngày thành lập*" là ngày Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.

g) "*Vốn pháp định*" là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật thành lập Ngân hàng.

h) "*Ban điều hành*" bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng.

i) "*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm*" là thành viên Hội đồng quản trị đang thi hành nhiệm vụ khác tại Ngân hàng và quy định ngoài phạm vi nhiệm vụ và quy định của Hội đồng quản trị.

k) "*Thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm*" là thành viên Hội đồng quản trị không đang thi hành nhiệm vụ khác tại Ngân hàng và quy định ngoài phạm vi nhiệm vụ và quy định của Hội đồng quản trị.

l) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức có quan hệ với Ngân hàng nêu trên trong các trường hợp sau:

(i) Công ty mẹ và công ty con và ngược lại; Ngân hàng và công ty trực thuộc của Ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ và con; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng và con;

(ii) Ngân hàng i v i ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c ng i, t ch c có th m quy n b nhi m nh ng ng i ó và ng c l i;

(iii) Ngân hàng i v i cá nhân s h u t 10% (m i ph n tr m) v n i u l tr lên t i Ngân hàng và ng c l i;

(iv) Nh ng ng i có quan h thân thu c v i nhau, g m: v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t;

(v) Ngân hàng i v i ng i có quan h thân thu c (theo quy nh t i i m (iv) kho n này) c a ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát, thành viên góp v n ho c c ông s h u t 10% (m i ph n tr m) v n i u l tr lên c a Ngân hàng và ng c l i;

(vi) Cá nhân c y quy n i di n cho nh ng ng i quy nh t i i m (i), (ii), (iii), (iv) và (v) kho n này i v i ng i y quy n.

m) “*Th i h n ho t ng*” là th i h n ho t ng c a Ngân hàng c quy nh t i kho n 6, i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Ngân hàng thông qua b ng Ngh quy t và c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n n u pháp lu t có yêu c u.

n) “*C ph n*” là v n i u l c chia thành các ph n b ng nhau.

o) “*C ông*” là t ch c ho c cá nhân s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng và ng ký tên trong S ng ký c ông c a Ngân hàng v i t cách là m t ng i n m gi (các) c ph n.

p) “*C phi u*” là ch ng ch ho c bút toán ghi s c a Ngân hàng phát hành, xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng. *C phi u* c a Ngân hàng có th là c phi u ghi tên ho c c phi u vô danh theo quy nh c a i u l này.

q) “*C phi u qu*” là c phi u c a chính Ngân hàng ã phát hành và c Ngân hàng mua l i b ng ngu n v n h p pháp theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.

r) “*S ng ký c ông*” là s ng ký c ông quy nh t i i u 21 c a i u l này.

s) “*i h i ng c ông*” ho c “*i h i*” là i h i ng c ông c a Ngân hàng.

t) “*C t c*” là kho n c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng t tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Ngân hàng sau khi ã th c hi n ngh a v v tài chính.

u) “*Công ty có liên quan*” là doanh nghi p do Ngân hàng n m gi m t ph n ho c toàn b v n i u l , g m có công ty tr c thu c và công ty liên k t.

v) “*Công ty tr c thu c c a Ngân hàng*” là doanh nghi p có t cách pháp nhân, h ch toán c l p b ng v n t có mà Ngân hàng:

(i) S h u trên 50% (n m m i ph n tr m) v n i u l ho c t ng s c ph n ph thông ã phát hành c a công ty ó; ho c

(ii) Có quy n tr c t i p ho c gián t i p b nhi m a s ho c t t c thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Giám c ho c T ng giám c c a công ty ó; ho c

(iii) Có quy n quy t nh vi c s a i, b sung i u l c a công ty ó.

x) “*Công ty liên kết*” là doanh nghiệp do ngân hàng nắm giữ cổ phần, vốn góp do hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài hoặc công ty nước ngoài.

y) “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm sở giao dịch, chi nhánh, vốn phòng địa điểm, đơn vị sản xuất.

aa) “*Đơn vị thành viên*” là các đơn vị trực thuộc và Công ty có liên quan của Ngân hàng.

bb) “*Ngân hàng điều hành theo quy định của Ngân hàng*” là ngân hàng quy định bằng văn bản theo các quy định của mình tại các Công ty có liên quan theo quy định của pháp luật.

cc) “*Lợi nhuận*” là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: chênh lệch giá hoạt động doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ và chi phí dịch vụ trong kỳ và chênh lệch giá hoạt động doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính và chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giá thu nhập từ hoạt động khác và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

dd) “*Ngân hàng Nhà nước*” là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu từ hình thức quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Mục, điều khoản của điều lệ này) sẽ được ghi nhận từ nội dung và không nhầm lẫn với nội dung của điều lệ này.

4. Các quy định thu nhập sẽ được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp và Luật Các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với các quy định khác) sẽ có hiệu lực trong điều lệ này.

MỤC 2

TÊN GỌI, TRỤ SỞ, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, điều hành theo pháp luật, mô hình hoạt động và thẩm quyền hoạt động của Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng

- Tên tiếng Việt : Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên tiếng Anh : Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank

- Tên viết tắt : Eximbank hoặc EIB

- Tên giao dịch : Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

2. Ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Tr s ng ký c a ngân hàng là:

- a ch : S 07 Lê Th H ng G m, qu n 1, thành ph H Chí Minh, Vi t Nam
- i n tho i : (08) 38210055
- Fax : (08) 38296063
- Website : www.eximbank.com.vn

4. T ng giám c là ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng.

5. Ngân hàng c m s giao d ch, chi nhánh, v n phòng i di n, c thành l p n v s nghi p, công ty tr c thu c theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c và các quy nh c a pháp lu t hi n hành có liên quan. Ngân hàng c thành l p công ty tr c thu c ho t ng trong l nh v c tài chính, ngân hàng, b o hi m, qu n lý, khai thác, bán tài s n trong quá trình x lý tài s n b o m ti n vay và tài s n mà Nhà n c giao cho Ngân hàng x lý thu h i n .

6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 89 và i u 90 ho c chuy n i ho t ng theo i u 88 i u l này, th i h n ho t ng c a Ngân hàng là 50 (n m m i) n m k t ngày thành l p.

i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng

1. Tôn ch c a Ngân hàng là tr thành m t t p oàn Tài chính – Ngân hàng cung c p d ch v a d ng v i ch t l ng và hi u qu .

2. L nh v c kinh doanh c a Ngân hàng bao g m ho t ng kinh doanh quy nh t i i u l này.

3. M c tiêu ho t ng c a Ngân hàng là t i a hóa l i nhu n, tích l y u t cho phát tri n, góp ph n th c hi n các m c tiêu phát tri n kinh t , xã h i c a t n c.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Ngân hàng c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y phép thành l p và ho t ng do Ngân hàng Nhà n c c p, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh hi n hành c a pháp lu t và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Ngân hàng.

2. Ngân hàng có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ph ê chu n theo quy nh t i i u l này.

3. Ngân hàng có ph m vi kinh doanh và ho t ng c trong n c và ngoài n c.

M c 3

CÁC HO T NG CHÍNH

Ngân hàng th c hi n các ho t ng chính sau ây theo quy nh pháp lu t:

i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i

1. Huy ng v n

Ngân hàng huy ng v n đ i các hình th c sau:

a) Nh n ti ng i c a các t ch c, cá nhân và các t ch c tín d ng khác đ i các hình th c ti ng i không k h n, ti ng i có k h n và các lo i ti ng i khác;

b) Phát hành ch ng ch ti ng i, trái phi u và gi y t có giá khác huy ng v n c a t ch c, cá nhân trong n c và ngoài n c khi c Th ng c Ngân hàng Nhà n c ch p thu n;

c) Vay v n c a các t ch c tín d ng khác ho t ng t i Vi t Nam và c a t ch c tín d ng n c ngoài;

d) Vay v n ng n h n c a Ngân hàng Nhà n c đ i hình th c tái c p v n;

) Các hình th c huy ng v n khác theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c.

e) Vi c huy ng v n có th b ng ng Vi t Nam, ngo i t , vàng và các công c tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ho t ng tín d ng

Ngân hàng c p tín d ng cho t ch c, cá nhân trong và ngoài n c đ i các hình th c sau:

a) Cho vay;

b) B o lãnh;

c) Cho thuê tài chính;

d) Chi t kh u công c chuy n nh ng và gi y t có giá khác;

) Bao thanh toán; và

e) Các hình th c khác theo qui nh c a pháp lu t.

3. D ch v thanh toán và ngân qu

a) Ngân hàng m tài kho n, cung ng d ch v thanh toán và ngân qu cho khách hàng trong n c và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;

b) Ngân hàng t ch c h th ng thanh toán n i b và tham gia h th ng thanh toán trong n c và ngoài n c. Tham gia các h th ng thanh toán qu c t khi c các c quan nhà n c có th m quy n cho phép.

4. Các d ch v ngân hàng th ng m i khác

a) Kinh doanh trên th tr ng ti n t , th tr ng ngo i h i, th tr ng giao d ch k h n, phái sinh trong n c và n c ngoài phù h p v i quy nh pháp lu t và ph m vi ho t ng c a Ngân hàng;

b) Kinh doanh vàng trên th tr ng trong n c và th tr ng qu c t ;

c) c quy n y thác, nh n y thác, làm i lý trong các l nh v c liên quan n ho t ng ngân hàng, k c vi c qu n lý tài s n, v n u t c a t ch c, cá nhân trong và ngoài n c theo h p ng y thác, i lý;

d) T v n tài chính, ti n t cho khách hàng d i hình th c tr c ti p t v n cho khách hàng ho c thành l p Công ty có liên quan theo quy nh c a pháp lu t;

) B o qu n hi n v t quý, gi y t có giá, cho thu ê t két, c m và các d ch v khác theo quy nh c a pháp lu t;

e) Các ho t ng khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 6. Ho t ng ngân hàng u t

Ngân hàng th c hi n ho t ng ngân hàng u t tr c ti p ho c thông qua các công ty ch ng khoán, công ty qu n lý qu m à Ngân hàng n m c ph n chi ph i theo quy nh c a pháp lu t. Ho t ng ngân hàng u t bao g m nh ng không h n ch các lo i hình sau:

1. T v n tài chính doanh nghi p và u t ch ng khoán;
2. B o lãnh phát hành ch ng khoán;
3. Môi gi i và t doanh ch ng khoán;
4. Qu n lý và (ho c) phân ph i ch ng ch qu u t ch ng khoán;
5. Qu n lý danh m c u t ch ng khoán;
6. Ho t ng ngân hàng u t khác (n u có).

i u 7. B o hi m

Ngân hàng th c hi n cung ng các d ch v b o hi m sau ây d i hình th c thành l p công ty có liên quan ho c làm i lý cho các công ty b o hi m theo quy nh c a pháp lu t:

1. B o hi m nhân th ;
2. B o hi m phi nhân th ;
3. Tái b o hi m; và
4. Các lo i hình b o hi m khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 8. Các ho t ng khác

C n c các quy nh c a pháp lu t, Ngân hàng th c hi n các ho t ng khác bao g m các l nh v c nh ng không h n ch các lo i hình sau:

1. Góp v n, mua c ph n c a các doanh nghi p, t ch c tín d ng tron g và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t; và
2. Các ho t ng khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng

Trong quá trình ho t ng, Ngân hàng tuân th các quy nh v các h n ch b o m an toàn trong ho t ng theo quy nh c a Lu t Các t ch c tín d ng và theo quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 10. Áp d ng i u c qu c t và t p quán qu c t trong ho t ng ngân hàng

1. Ngân hàng áp d ng i u c qu c t liên quan n ho t ng ngân hàng mà Vi t Nam ã ký k t ho c tham gia.

2. Ngân hàng có thể thu nợ vì khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nhưng tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu trên Điều lệ này.

Chương II

V N I U L , C P H N , C P H I U , T R Á I P H I U

Mục 1

V N I U L

Điều 12. V n i u l

1. V n i u l của Ngân hàng là: 8.800.080.000.000 đồng (tám nghìn tám trăm triệu không trăm tám mươi triệu đồng).

2. V n i u l của Ngân hàng là vốn ghi trên Điều lệ Ngân hàng và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 13. Thay i v n i u l

Việc thay i v n i u l của Ngân hàng (tổng hợp giảm) phải thực hiện trên cơ sở quy định của Hội đồng quản trị và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay i v n i u l theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

1. Các hình thức tăng vốn Ngân hàng:

a) Phát hành thêm chứng khoán huy động thêm vốn, kể cả chứng khoán cổ phiếu theo hình thức chuyển nhượng thành vốn góp chứng khoán theo thỏa thuận của Ngân hàng với các bên;

b) Chuyển trái phiếu chuyển đổi phát hành thành chứng khoán;

c) Thực hiện trả cổ tức bằng chứng khoán của Ngân hàng;

d) Kết chuyển nguồn thu khác vào bổ sung tăng vốn;

đ) Các hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2. Các hình thức giảm vốn Ngân hàng:

a) Ngân hàng mua lại và hủy bỏ chứng khoán phi ưu đãi có mệnh giá đang nắm giữ của các chủ nợ;

- a) C ph n chào bán cho t t c c ông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng;
- b) C ph n chào bán cho ng i lao ng, qu n lý, i u hành c a Ngân hàng ho c i t ng khác theo Ngh quy t c a i h i ng c ông;
- c) C ph n chào bán cho ng i môi gi i ho c ng i b o lãnh. Trong tr ng h p này, s chỉ t kh u ho c t l chỉ t kh u c th ph i c s ch p thu n c a s c ông i di n cho ít nh t 75% (b y m i l m ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p Ngân hàng phát hành thêm c ph n ph thông và chào bán s c ph n ó cho t t c c ông ph thông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng thì ph i th c hi n theo quy nh sau ây:

- a) Ngân hàng ph i thông báo b ng v n b n n các c ông theo ph ng th c b o m n c a ch th ng trú (ho c a ch ng ký v i Ngân hàng) c a h . Thông báo ph i c ng báo trong ba s liên ti p trong th i h n 10 (m i) ngày làm vi c, k t ngày thông báo.
- b) Thông báo ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u, ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông l à cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông l à t ch c; s c ph n và t l c ph n hi n có c a c ông c quy n mua; giá chào bán c ph n; th i h n ng ký mua; h , tên, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng. Th i h n xác nh trong thông báo ph i h p lý c ông ng ký mua c c ph n. Kèm theo thông báo ph i có m u phi u ng ký mua c ph n do Ngân hàng phát hành.

c) C ông có quy n chuy n quy n u tiên mua c ph n c a mình cho ng i khác.

d) N u phi u ng ký mua c ph n không c g i v Ngân hàng úng h n nh ã thông báo thì c ông có liên quan coi nh không nh n quy n u tiên mua. Tr ng h p s l ng c ph n đ nh phát hành không c c ông và ng i nh n quy n u tiên mua ng ký mua h t thì s c ph n đ ki n phát hành còn l i s do H i ng qu n tr qu n lý. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho c ông c a Ngân hàng ho c ng i khác theo cách th c h p lý v i i u ki n không thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông, tr tr ng h p i h i ng c ông có ch p thu n khác ho c c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán ho c Trung tâm giao d ch ch ng khoán.

3. C ph n c coi là ã bán khi c thanh toán và nh ng thông tin v ng i mua quy nh t i i u l này c ghi úng, ghi vào S ng ký c ông; k t th i i m ó, ng i mua c ph n tr thành c ông c a Ngân hàng.

4. Sau khi c ph n c bán, Ngân hàng ph i phát hành và trao c phi u cho ng i mua. Ngân hàng có th bán c ph n mà không trao c phi u. Trong tr ng h p này, các thông tin v c ông quy nh t i i u l này c ghi vào S ng ký c ông là ch ng minh quy n s h u c ph n c a c ông ó trong Ngân hàng.

i u 16. Mua l i c ph n

1. Mua l i c ph n theo yêu c u c a Ngân hàng:

Ngân hàng có quy n mua l i không quá 30% (ba m i ph n tr m) t ng s c ph n ph thông ã bán ra, m t ph n ho c toàn b c ph n u ã c t c ã bán theo quy nh sau ây:

a) Hạn mức mua trái phiếu Ngân hàng có quy định quy định mua trái phiếu không quá 10% (mười phần trăm) tổng số phần trăm của tổng số trái phiếu chào bán trong mười hai (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua trái phiếu phụ thuộc vào hạn mức quy định.

b) Hạn mức mua trái phiếu quy định giá mua trái phiếu. Trong trường hợp thông thường, giá mua trái phiếu không cao hơn giá thị trường hiện tại của trái phiếu, trừ trường hợp quy định khác trong nội dung này. Trong trường hợp khác, Ngân hàng và công ty có liên quan không có thẩm quyền nào khác thì giá mua trái phiếu không vượt quá giá thị trường.

c) Ngân hàng có thể mua trái phiếu của công ty đang niêm yết trên sàn chứng khoán trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quy định mua trái phiếu của Ngân hàng phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các công ty trong thị trường 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quy định có hiệu lực. Thông báo phải có tên, địa chỉ số chính của Ngân hàng, tổng số và loại trái phiếu mua trái phiếu, giá mua trái phiếu nguyên tắc của giá mua trái phiếu, thời gian và thời hạn thanh toán, thời gian và thời hạn công ty chào bán trái phiếu của họ cho Ngân hàng.

Công ty dự định bán trái phiếu phải gửi chào bán trái phiếu của mình bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thị trường 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ đăng ký, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ và các tài liệu cá nhân pháp lý khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công ty là tổ chức; số phần trăm và số phần chào bán; phương thức thanh toán; chi phí của công ty hoặc người đi kèm theo pháp luật của công ty. Ngân hàng chỉ mua trái phiếu chào bán trong thị trường nói trên.

2. Mua trái phiếu theo yêu cầu của công ty:

a) Công ty bị quy định phải quy định về việc thanh lý trái phiếu Ngân hàng hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công ty quy định tại Ngân hàng có quy định yêu cầu Ngân hàng mua trái phiếu của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của công ty, số đăng ký kinh doanh, giá trị bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua trái phiếu. Yêu cầu phải gửi Ngân hàng trong thị trường 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày gửi yêu cầu công ty thông qua quy định và các văn bản quy định hiện hành.

b) Ngân hàng phải mua trái phiếu theo yêu cầu của công ty quy định tại khoản 2, điều 1 và 2 của Điều này và giá trị hoặc giá trị thanh toán trong thị trường 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận yêu cầu. Trường hợp không thanh toán về giá thì công ty có thể bán trái phiếu cho người khác hoặc các bên có thẩm quyền mua trái phiếu chuyên nghiệp với giá. Ngân hàng ghi nhận ít nhất 3 (ba) tài liệu chuyên nghiệp của công ty là nhân viên và nhân viên đó là quy định của cùng.

3. Thời hạn thanh toán và xử lý các phần của trái phiếu:

a) Ngân hàng chỉ quy định thanh toán các phần của trái phiếu cho công ty quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này ngay sau khi thanh toán hết số phần của trái phiếu, Ngân hàng văn bản thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác, bao gồm các tài khoản trong hồ sơ ngân hàng, văn bản nội bộ không vượt quá mức pháp lý và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua trái phiếu của chính mình

phần của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nư ớc ngoài và các khoản chi phí của ngân hàng.

b) Các phần của mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này được coi là các phần thu và thu của các phần của quy định chào bán.

c) Các phi ếu xác nhận quy định của pháp luật về mua lại được tiêu hủy ngay sau khi các phần nợ ngân ớc thanh toán ỹ. Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám ớc phi ếu liên ới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc ch ếm tiêu hủy các phi ếu gây ra ới Ngân hàng.

d) Sau khi thanh toán hết các phần mua lại, nút ngân giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (m ới phần trăm) thì Ngân hàng phi ếu thông báo cho tất cả các bên liên quan trong thời hạn 15 (m ới l ăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết các phần mua lại.

Điều 17. Thu hồi các phần

1. Trường hợp các quy định mua các phần không thanh toán ỹ và ứng hạn số tiền phi ếu mua các phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công ới thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể được lưu ếm trên khoản tiền ới và nh ệm chi phí phát sinh do việc không thanh toán ỹ gây ra cho Ngân hàng.

2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 của Điều này phi ếu ghi rõ thời hạn thanh toán mà nh ệm không ít hơn 7 (b ảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, ả ới m thanh toán và thông báo phi ếu ghi rõ trường hợp không thanh toán ứng yêu cầu, số các phần của thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán ỹ tất cả các khoản phí liên quan, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quy định thu hồi số các phần ới. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần của thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.

4. Các phần của thu hồi hoặc các giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc g ởi ỹ quy định cho người ả ới số các phần của thu hồi hoặc các ới ếm khác theo nh ệm ỹ và cách thức mà Hội đồng quản trị ỹ là phù hợp.

5. Công ới m ới các các phần của thu hồi hoặc giao nộp sẽ phi ếu bất ếm cách công ới ỹ nh ệm các phần ới, nh ệm văn phi ếu thanh toán cho Ngân hàng tất cả các khoản tiền có liên quan của văn phi ếu lãi theo t ới do Hội đồng quản trị quy định nh ệm không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời ới m thu hồi hoặc giao nộp cho ới ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công ới thanh toán toàn bộ giá trị của phi ếu vào thời ới m thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể m ới nh ệm thanh toán m ới phần hoặc toàn bộ số tiền ới.

6. Thông báo thu hồi số các ới nh ệm ỹ các phần của thu hồi trước thời ới m thu hồi. Việc thu hồi văn phi ếu ếm các trong trường hợp có sai sót hoặc bất ếm trong việc gửi thông báo.

Điểm 18. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần được chuyển nhượng trừ ngoại lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Chuyển nhượng thanh toán yêu cầu không chuyển nhượng và hàng cổ tức.

3. Hội đồng quản trị quy định trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với các quy định pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay chứng phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải có bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đi kèm yêu cầu đăng ký. Bên chuyển nhượng văn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên cá nhân chuyển nhượng được đăng ký vào sổ công. Trường hợp chuyển nhượng mua cổ phần trong chứng phiếu có ghi tên thì chứng phiếu của Ủy ban và Ngân hàng phát hành chứng phiếu ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải có Thẻ của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

a) Các giao dịch mua bán cổ phần trả ngay (là mua cổ phần chi trả 5% (năm phần trăm) và cổ phần có quy định của Ngân hàng);

b) Các giao dịch mua bán cổ phần do công an sở hữu mua cổ phần trả ngay từ thành phố sở hữu cổ phần trả ngay và ngược lại.

5. Công dân, công pháp nhân có nghĩa vụ góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian miễn chức danh trong thời gian 1 (một) năm, kể từ thời điểm không miễn chức danh, chuyển nhượng cổ phần bằng chứng phiếu ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần mà mình sở hữu vào thời điểm công bố hoặc Hội đồng quản trị miễn và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần tại thời điểm 15 (mười lăm) ngày làm việc trước việc chuyển nhượng.

6. Trong thời gian vắng mặt các họ theo quy định của Hội đồng công do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

a) Là đi kèm theo yêu cầu của công là tổ chức sắp xếp, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quy định của tòa án.

7. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng niêm yết thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Việc chuyển nhượng cổ phần của công tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điểm 19. Thắc mắc phần

1. Việc thắc mắc phần thực hiện theo quy định của Điều này, pháp luật về thắc mắc và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xu t trình y các gi y t ch ng minh quy n th a k h p pháp, ng i th a k th c hi n ng ký các lo i c ph n c th a k t i s ng ký c ô ng và tr thành c ô ng c a Ngân hàng, c h ng m i quy n l i và ngh a v c a c ô ng mà h th a k phù h p v i quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

3. Ng i th a k c ph n c a các thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ng i qu n lý khác c s h u c ph n nh ng không c ng nhiên th a k quy n làm thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát và các ch c danh qu n lý t ng ng.

i u 20. Gi i h n s h u c ph n

1. M t c ô ng cá nhân c s h u t i a 10% (m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng.

2. M t c ô ng là t ch c c s h u c ph n t i a 20% (hai m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng;

3. T l gi i h n s h u c ph n c a nhà u t n c ngoài i v i c ph n c a Ngân hàng c xác nh theo quy nh c a pháp lu t.

4. C ô ng và nh ng ng i có liên quan c a c ô ng ó c s h u t i a 20% v n i u l c a Ngân hàng.

5. Tr ng h p các t ch c, cá nhân n m gi trái phi u chuy n i, sau khi chuy n i trái phi u thành c phi u ph i tuân th gi i h n s h u c ph n t i i u này.

i u 21. S ng ký c ô ng

1. S ng ký c ô ng c l p và l u gi d i d ng v n b n, t p d li u i n t ho c c hai lo i này t khi Ngân hàng c c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh. S ng ký c ô ng ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính c a Ngân hàng;

b) T ng s c ph n c quy n chào bán, lo i c ph n c quy n chào bán và s c ph n c quy n chào bán t ng lo i;

c) T ng s c ph n ã bán c a t ng lo i và giá tr v n c ph n ã góp;

d) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ô ng là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ô ng là t ch c;

) S l ng c ph n t ng lo i c a m i c ô ng, ngày ng ký c ph n.

2. S ng ký c ô ng c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán. C ô ng có quy n ki m tra, tra c u ho c trích l c, sao chép n i dung s ng ký c ô ng trong gi làm vi c c a Ngân hàng ho c trung tâm ng ký, l u ký, bù tr và thanh toán ch ng khoán.

C ô ng s h u t 5% (n m ph n tr m) tr l ên t ng s c ph n c a Ngân hàng có trách nhi m ng ký v i c quan nhà n c có th m quy n trong th i h n 7 (b y) ngày làm vi c, k t ngày có c t l s h u ó theo quy nh c a pháp lu t.

đ i u 22. C ả phi u

1. C ả phi u là ch ả ng ch ả do Ngân hàng phát hành ho ả bút toán ghi s ả xác nh ả n quy n s ả h u m t ho c m t s ả c ả ph n c ả Ngân hàng. C ả phi u có th ả ghi tên ho ả không ghi tên.

2. C ả phi u c ả Ngân hàng ph ả i có các n ả i dung ch ả y u sau ả y:

a) Tên, ả ch ả tr ả s ả chính c ả Ngân hàng;

b) S ả và ngày c ả p gi ả y ch ả ng nh ả n ả ng ký kinh doanh;

c) S ả l ả ng c ả ph n và lo ả i c ả ph n;

d) M ả nh giá m ả i c ả ph n và t ả ng m ả nh giá s ả c ả ph n ghi trên c ả phi u;

ả) H ả , tên, ả ch ả th ả ng trú, qu ả c t ch, s ả gi ả y ch ả ng minh nh ả n dân, h ả chi u ho ả c ả ch ả ng th ả cá nh ả n h ả p pháp khác c ả c ả ông là cá nh ả n; tên, ả ch ả th ả ng trú, qu ả c t ch, s ả quy t ả nh thành l ả p ho ả s ả ng ký kinh doanh c ả c ả ông là t ả ch ả c ả i v ả i c ả phi u có ghi tên;

e) Tóm t ả t v ả th ả t c ả chuy n nh ả ng c ả ph n;

g) Ch ả ký m ả u c ả a ng ả i ả i đ i n theo pháp lu t và đ u c ả Ngân hàng;

h) S ả ng ký t ả i s ả ng ký c ả ông c ả Ngân hàng và ngày phát hành c ả phi u;

i) Các n ả i dung khác theo quy ả nh t ả i các ả i u 81, 82 và 83 c ả Lu t Doanh nghi p ả i v ả i c ả phi u c ả c ả ph n u ả i.

3. C ả phi u c ả Ngân hàng không ả c s ả đ ng ả c m c t ả i Ngân hàng.

đ i u 23. Phát hành trái phi u

Ngoài v ả i c ả tuân th ả theo quy ả nh t ả i ả i u 88 Lu t Doanh nghi p, v ả i c ả phát hành trái phi u, trái phi u chuy n ả i và các lo ả i trái phi u khác c ả Ngân hàng ph ả i m b o các quy ả nh sau:

1. Tuân th ả quy ả nh c ả Lu t Các t ả ch ả c tín đ ng và h ả ng đ n t ả i các v ả n b n pháp lu t có liên quan.

2. ả i v ả i trái phi u chuy n ả i:

a) Trái phi u chuy n ả i là lo ả i trái phi u có th ả chuy n ả i thành c ả phi u ph ả thông c ả Ngân hàng phát hành theo các ả i u k ả n ả i c ả xác nh ả trong ph ả ng án phát hành.

b) V ả i c ả Ngân hàng phát hành trái phi u chuy n ả i ph ả i c ả i h ả i ng c ả ông thông qua và ả c Th ả ng ả c Ngân hàng Nhà n ả c ch ả p thu n b ng v ả n b n.

c) Ngân hàng quy ả nh c ả th ả v ả ph ả ng th ả c phát hành, th ả i ả i m phát hành, th ả i h n chuy n ả i trái phi u, t ả l chuy n ả i trái phi u, bi ả ên ả bi n ả ng giá c ả phi u, m c ả ích s ả đ ng ngu n thu t ả phát hành trái phi u chuy n ả i, các quy n và ngh ả v ả c ả a ng ả i s ả h u trái phi u chuy n ả i theo qui ả nh c ả pháp lu t. Nh ả ng thông tin n ả y ph ả i ả c công khai vào th ả i ả i m phát hành trái phi u chuy n ả i.

d) Th ả t c, h ả s ả xin phát hành trái phi u chuy n ả i ả c th ả c h ả n theo quy ả nh c ả Ngân hàng Nhà n ả c và các quy ả nh c ả pháp lu t h ả n hành khác có liên quan.

Chương III
CÁC UT CH C, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG

Mục 1
CÁC UT CH C QUẢN LÝ

Điều 24. Các ut ch c quản lý

Các ut ch c quản lý của Ngân hàng bao gồm:

- 1.ניהלה.
- 2.ניהלה.
3. Kiểm soát.
4. Giám sát.
5. Và bộ máy giúp việc.

Mục 2
CÔNG VÀ NGHIỆP CÔNG

Điều 25. Công

1. Công là nghiệp vụ của Ngân hàng, có các quy định và nghĩa vụ theo các phần và loại phần mà họ sở hữu.

2. Công của công nhân chính thức khi đóng tiền mua các phần và ghi tên vào sổ ký công của Ngân hàng.

3. Việc công đi diễn theo quy định của công tại Ngân hàng thực hiện theo khoản 3, điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quy định của công

1. Công phải có các quy định sau đây:

a) Các quy định theo quy định tại các điều a, b, c, d, e và g, khoản 1, điều 79 Luật Doanh nghiệp.

b) Công chuyển nhượng phần hoặc bán lại phần cho Ngân hàng theo quy định tại điều này và pháp luật có liên quan;

c) Công quy định về bản quyền khác thực hiện các quy định và nghĩa vụ của mình; người công quy định về quyền lợi bản quyền khác của công đồng ý.

d) Công hoặc nhóm công sở hữu trên 5% (năm phần trăm) tổng số phần vốn thông trong thị trường liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng, có các quy định theo quy định tại khoản 2, khoản 3, điều 79 Luật Doanh nghiệp.

) Vì c c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát c th c hi n theo quy nh t i kho n 4, i u 79 Lu t Doanh nghi p nh ng danh sách ng c viên ph i c g i t i H i ng qu n tr theo th i h n do H i ng qu n tr quy nh.

2. C ông u ã bi u quy t có các quy n theo quy nh t i kho n 2, i u 81 Lu t Doanh nghi p.

3. C ông u ã c t c có các quy n theo quy nh t i kho n 2, i u 82 Lu t Doanh nghi p.

i u 27. Ngh a v c a c ông

1. C ông c a Ngân hàng ph i th c hi n các ngh a v sau:

a) Thanh toán s c ph n cam k t mua trong th i h n do Ngân hàng quy nh; ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi s v n ã góp vào Ngân hàng;

b) Không c rút v n c ph n ã góp ra kh i Ngân hàng d i m i hình th c d n n vi c gi m v n i u l c a Ngân hàng, tr tr ng h p c Ngân hàng ho c ng i khác mua l i c ph n theo quy nh t i i u l này. Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì thành viên H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút;

c) Ch u trách nhi m tr c pháp lu t v tính h p pháp c a ngu n v n mua c ph n t i Ngân hàng;

d) Các ngh a v khác theo quy nh t i kho n 2, 3, 4 và 5, i u 80 Lu t Doanh nghi p.

2. C ông nh n y thác ut cho t ch c, cá nhân khác ph i cung c p thông tin v ch s h u th c s c a s c ph n mà mình nh n y thác ut ; n u không cung c p thông tin cho Ngân hàng, trong tr ng h p Ngân hàng phát hi n ra ch s h u th c s , Ngân hàng có quy n ình ch các quy n c ông liên quan n s c ph n không công khai ch s h u th c s .

3. Các ngh a v khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

i u 28. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông g m t t c các c ông có quy n bi u quy t, l à c quan quy t nh cao nh t c a Ngân hàng.

2. C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo y quy n th c hi n các quy n c ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t; tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i i di n. Vì c c , ch m d t ho c thay i ng i i di n theo y quy n ph i c thông báo b ng v n b n cho Ngân hàng trong th i h n s m nh t. Thông báo ph i có các n i dung ch y u sau:

a) Tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s và ngày quy t nh thành l p ho c ng ký kinh doanh c a c ông;

b) S l ng c ph n, lo i c ph n và ngày ng ký c ông t i Ngân hàng;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo y quy n;

d) S c ph n c y quy n i di n;

) Th i h n i di n theo y quy n;

e) H tên, ch ký c a ng i i di n theo y quy n và ng i i di n theo pháp lu t c a c ông.

i u 29. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông có các quy n và nhi m v sau ây:

a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Ngân hàng;

b) Quy t nh s a i, b sung i ul Ngân hàng;

c) Thông qua Quy nh n i b v t ch c ho t ng, ch c n ng, trách nhi m, quy n h n c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

d) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát phù h p v i các i u ki n và tiêu chu n quy nh t i i ul này;

) Quy t nh t ng m c thù lao, th ng và các l i ích khác hàng n m i v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ngân sách ho t ng c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát;

e) Xem xét và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát gây thi t h i cho Ngân hàng và c ông c a Ngân hàng;

g) Thông qua ph ng án thay i m c v n i ul ; quy t nh lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán;

h) Quy t nh vi c mua l i c ph n ã bán theo quy nh t i i ul này;

i) Thông qua ph ng án phát hành trái phi u chuy n i ;

k) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m; ph ng án phân ph i l i nhu n;

l) Thông qua báo cáo c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát v vi c th c hi n nhi m v quy n h n c giao;

m) Quy t nh các h p ng giao d ch c a Ngân hàng không thu c ph m vi, i t ng i u ch nh c m ho c h n ch theo quy nh c a Lu t Các t ch c tín đ ng và v n b n h ng đ n Lu t này v i thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c, c ông s h u m c c ph n tr ng y u và ng i có liên quan c a h có giá tr l n h n 20% (hai m i ph n tr m) v n t có c a Ngân hàng. Trong tr ng h p này, các c ông có liên quan không có quy n bi u quy t. H p ng ho c giao d ch c ch p thu n khi có s c ông i di n ít nh t 65% (sáu m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t còn l i ng ý;

n) Quy t nh thành l p công ty tr c thu c;

o) Quy t nh t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n Ngân hàng;

p) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i ul này và pháp lu t có liên quan.

2. **Điều kiện công thành niên thọ luận và thông qua tất cả các văn quy định** tại các **Điều 1 và 2**, khoản 1 **Điều** này và các **văn** khác **thuộc** **thẩm quy định** theo quy định tại **Điều** này và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Thẩm quy định thẩm phán **Điều kiện công**

1. **Điều** kiện công thành niên **đạt** **chức** **minh** **do** **Điều** kiện **quản** **tr** **thẩm** **ph** **trong** **th** **hi** **ên** **4** **(b)** **tháng** **k** **t** **ngày** **k** **t** **thúc** **n** **m** **tài** **chính** **h** **o** **c** **không** **quá** **6** **(sáu)** **tháng** **k** **t** **ngày** **k** **t** **thúc** **n** **m** **tài** **chính** **khi** **có** **s** **ch** **p** **thu** **n** **c** **a** **c** **quan** **ng** **ký** **kinh** **doanh** **theo** **ng** **h** **c** **a** **Điều** **qu** **ản** **tr**.

2. **Điều** kiện **quản** **tr** **thẩm** **ph** **Điều** kiện công **đ** **th** **ng** **trong** **các** **tr** **ng** **h** **p** **sau**:

a) **Điều** kiện **quản** **tr** **xét** **th** **y** **c** **n** **th** **t** **v** **ì** **l** **í** **ch** **c** **a** **Ngân** **hàng**;

b) **B** **ng** **c** **ân** **í** **k** **toán** **hàng** **n** **m**, **các** **báo** **cáo** **quý** **h** **o** **c** **n** **a** **(1/2)** **n** **m** **h** **o** **c** **báo** **cáo** **k** **i** **m** **toán** **c** **a** **n** **m** **tài** **chính** **ph** **n** **ánh** **v** **n** **í** **u** **l** **ã** **b** **m** **t** **m** **t** **n** **a**;

c) **Khi** **s** **th** **à** **n** **h** **viên** **c** **a** **Điều** **qu** **ản** **tr** **ít** **h** **n** **s** **th** **à** **n** **h** **viên** **mà** **lu** **t** **ph** **áp** **quy** **nh** **h** **o** **c** **ít** **h** **n** **m** **t** **n** **a** **s** **th** **à** **n** **h** **viên** **quy** **nh** **trong** **í** **u** **l** **n** **ày**;

d) **C** **ông** **h** **o** **c** **nhóm** **c** **ông** **quy** **nh** **t** **i** **i** **m** **d**, **kho** **n** **1**, **í** **u** **26** **c** **a** **í** **u** **l** **n** **ày** **yêu** **c** **u** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **b** **ng** **m** **t** **v** **n** **b** **n** **k** **i** **n** **gh**. **V** **n** **b** **n** **k** **i** **n** **gh** **tr** **i** **u** **t** **p** **ph** **i** **n** **êu** **r** **õ** **lý** **do** **và** **m** **c** **í** **ch** **cu** **c** **h** **p**, **có** **ch** **ký** **c** **a** **các** **c** **ông** **li** **ên** **quan** **(v** **n** **b** **n** **k** **i** **n** **gh** **có** **th** **l** **p** **th** **à** **n** **h** **i** **u** **b** **n** **có** **ch** **ký** **c** **a** **t** **t** **c** **các** **c** **ông** **có** **li** **ên** **quan**);

) **Theo** **yêu** **c** **u** **c** **a** **Ban** **k** **i** **m** **s** **oát**;

e) **Theo** **yêu** **c** **u** **c** **a** **Ngân** **hàng** **Nhà** **n** **c**;

g) **Các** **tr** **ng** **h** **p** **kh** **ác** **theo** **quy** **nh** **c** **a** **ph** **áp** **lu** **t** **v** **à** **í** **u** **l** **n** **ày**.

3. **Điều** kiện **quản** **tr** **ph** **i** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **trong** **th** **hi** **ên** **30** **(b** **a** **m** **i**) **ngày**, **k** **t** **ngày** **s** **th** **à** **n** **h** **viên** **Điều** **qu** **ản** **tr** **còn** **l** **ì** **nh** **quy** **nh** **t** **i** **i** **m** **c**, **kho** **n** **2** **í** **u** **n** **ày** **h** **o** **c** **nh** **n** **c** **yêu** **c** **u** **quy** **nh** **t** **i** **i** **m** **a**, **b**, **v** **à** **e**, **kho** **n** **2** **í** **u** **n** **ày**.

4. **Tr** **ng** **h** **p** **Điều** **qu** **ản** **tr** **không** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **nh** **quy** **nh** **t** **i** **c** **ác** **kho** **n** **2** **v** **à** **3** **í** **u** **n** **ày** **th** **ì** **trong** **th** **hi** **ên** **30** **(b** **a** **m** **i**) **ngày** **t** **i** **p** **theo**, **Ban** **k** **i** **m** **s** **oát** **ph** **i** **th** **ay** **th** **Điều** **qu** **ản** **tr** **thẩm** **ph** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **theo** **quy** **nh** **c** **a** **í** **u** **l** **n** **ày** **v** **à** **quy** **nh** **c** **a** **ph** **áp** **lu** **t**.

5. **Tr** **ng** **h** **p** **Ban** **k** **i** **m** **s** **oát** **không** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **theo** **quy** **nh** **t** **i** **kho** **n** **4** **í** **u** **n** **ày** **th** **ì** **c** **ông** **h** **o** **c** **nhóm** **c** **ông** **c** **c** **p** **t** **i** **i** **m** **d**, **kho** **n** **1**, **í** **u** **26** **í** **u** **l** **n** **ày** **ã** **yêu** **c** **u** **có** **quy** **nh** **th** **ay** **th** **Điều** **qu** **ản** **tr**, **Ban** **k** **i** **m** **s** **oát** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **theo** **quy** **nh** **c** **a** **í** **u** **l** **n** **ày** **v** **à** **quy** **nh** **c** **a** **ph** **áp** **lu** **t**. **Trong** **tr** **ng** **h** **p** **n** **ày**, **c** **ông** **h** **o** **c** **nhóm** **c** **ông** **tr** **i** **u** **t** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **có** **th** **ng** **h** **c** **quan** **ng** **ký** **kinh** **doanh** **gi** **ám** **s** **át** **v** **i** **c** **tr** **i** **u** **t** **p** **v** **à** **t** **i** **n** **h** **à** **n** **h** **p** **n** **u** **xét** **th** **y** **c** **n** **th** **t**.

6. **a** **i** **m** **h** **p** **í** **h** **í** **ng** **c** **ông** **là** **trên** **l** **ã** **n** **h** **th** **V** **i** **t** **N** **am**.

7. Tất cả chi phí cần thiết để triển khai và tiến hành hợp nhất ngân hàng theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do các ngân hàng chi tiêu khi tham gia hợp nhất ngân hàng, kể cả chi phí nhân và lãi.

8. Trưởng hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thể hiện cam kết quy định tại các khoản 3 và 4 của Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bị thanh lý chức vụ phát sinh từ việc Ngân hàng.

Điều 31. Thông báo hợp nhất, chương trình và nội dung hợp nhất ngân hàng

1. Ngân hàng phải lập hợp nhất ngân hàng tối thiểu 30 ngày trước khi công bố quy định hợp nhất và biểu quyết; chương trình, nội dung, tài liệu kèm theo và danh sách mời mời mời mời trong chương trình hợp nhất.

2. Danh sách công bố quy định hợp nhất phải nộp xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc hội đồng cổ đông. Danh sách công bố quy định hợp nhất ngân hàng phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu có công là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công ty là tổ chức; số đăng ký kinh doanh, số và ngày đăng ký công ty của công ty.

3. Ngân hàng phải lập hợp nhất ngân hàng gửi thông báo triển khai hợp nhất cho tất cả các công ty có quy định hợp nhất chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo công bố hợp nhất chuyển đi theo cách hợp lệ, kể từ thời điểm công bố vào hôm đó). Thông báo hợp nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày công bố giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của công ty hoặc người đại diện theo quy định của công ty, thời gian và địa chỉ họp. Kèm theo thông báo hợp nhất phải có chương trình hợp nhất, các tài liệu kèm theo làm cơ sở thông qua quyết định và danh sách mời mời mời mời trong chương trình hợp nhất, mẫu danh sách đại diện theo quy định hợp nhất.

4. Việc các công ty đã thể hiện việc ký hợp nhất, thông báo hợp nhất ngân hàng có thể công bố trên cổng thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán (nếu có) hoặc niêm yết, trên website của Ngân hàng, lần đầu tiên báo trung tâm hoặc lần đầu tiên báo địa phương của Ngân hàng địa phương chính. Việc các công ty đã thể hiện việc ký hợp nhất, thông báo hợp nhất ngân hàng có thể công bố cho công ty bằng cách chuyển tin nhắn hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện địa phương để ký hợp nhất, hoặc địa chỉ do công ty cung cấp trước vì công bố thông tin. Trưởng hợp đồng đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản hoặc fax hoặc địa chỉ internet, thông báo hợp nhất ngân hàng có thể công bố qua fax hoặc địa chỉ internet. Trưởng hợp đồng là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể công bố trong phong bì dán kín gửi tin nhắn làm việc. Trưởng hợp đồng Ngân hàng có website, thông báo hợp nhất ngân hàng phải công bố trên website của Ngân hàng gửi tin nhắn vì công bố thông báo cho các công ty.

5. Công ty hoặc nhóm công ty có thể tiến hành, khoản 1, Điều 26 của Điều này có quy định xuất các văn bản vào chương trình hợp nhất ngân hàng. Xuất phát từ việc làm bằng văn bản và phải công bố cho Ngân hàng ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai

m c i h i n g c ô n g. x u t p h i b a o g m h v à t ê n c ô n g, s l n g v à l o i c p h n c ô n g h o c n h ó m c ô n g n m g i v à n i d u n g n g h a v à o c h n g t r ì n h p.

6. N g i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó q u y n t c h i n h n g x u t l i ê n q u a n n k h o n 5 i u n à y t r o n g c á c t r ñ n g h p s a u:

a) x u t c g i n k h ô n g ú n g t h i h n h o c k h ô n g , k h ô n g ú n g n i d u n g;

b) V à o t h i i m x u t, c ô n g h o c n h ó m c ô n g k h ô n g c ó t r ê n 5% (n m p h n t r m) t n g s c p h n p h t h o n g t r o n g t h i g i a n l i ê n t c í t n h t 6 (s á u) t h á n g;

c) V n x u t k h ô n g t h u c p h m v i t h m q u y n c a i h i n g c ô n g b à n b c v à t h o n g q u a.

7. N g i t r i u t p h p i h i n g c ô n g p h i c h p n h n v à a k i n n g h q u y n h t i k h o n 5 i u n à y v à o đ k i n c h n g t r ì n h v à n i d u n g c u c h p, t r t r ñ n g h p q u y n h t i k h o n 6 i u n à y; k i n n g h c c h í n h t c b s u n g v à o c h n g t r ì n h v à n i d u n g c u c h p n u c i h i n g c ô n g c h p t h u n.

8. H i n g q u n t r p h i c h u n b đ t h o n g q u y t c h o t n g v n t r o n g c h n g t r ì n h h p.

9. T r ñ n g h p t t c c ô n g i d i n 100% (m t t r m p h n t r m) s c p h n c ó q u y n b i u q u y t t r c t i p t h a m đ h o c t h o n g q u a i d i n c y q u y n t i i h i n g c ô n g, n h n g q u y t n h c i h i n g c ô n g n h t t r í t h o n g q u a u c c o i l à h p l k c t r o n g t r ñ n g h p v i c t r i u t p i h i n g c ô n g k h ô n g t h o ú n g t h t c h o c n i d u n g b i u q u y t k h ô n g c ó t r o n g c h n g t r ì n h.

i u 32. Q u y n đ h p i h i n g c ô n g

1. C á c c ô n g c á n h a n h o c n g i i d i n t h e o y q u y n c ô n g l à t c h c c ó q u y n t r c t i p t h a m đ i h i n g c ô n g h o c y q u y n c h o n g i k h á c t h a m đ c u c h p. N g i c y q u y n k h ô n g n h t t h i t l à c ô n g c a N g a n h à n g. V i c y q u y n c t h c h i n t h e o q u y n h c a i u l n à y v à p h á p l u t c ó l i ê n q u a n.

2. T r ñ n g h p c ô n g l à p h á p n h a n m i t c h c l i h o c t h a k q u y n v à n g h a v c ô n g t h i c ô n g n à y g i c h o H i n g q u n t r c á c v n b n c ó h i u l c p h á p l ý v v i c t c h c l i h o c t h a k H i n g q u n t r q u y t n h v c ô n g, c p h i u, c p h n v à n g i c đ h p t h e o q u y n h c a p h á p l u t.

3. T r ñ n g h p c p h n c c h u y n n h n g t r o n g t h i g i a n t n g à y l p x o n g d a n h s á c h c ô n g n n g à y k h a i m c h p i h i n g c ô n g t h i n g i n h n c h u y n n h n g c ó q u y n đ h p i h i n g c ô n g t h a y t h c h o n g i c h u y n n h n g i v i s c p h n ã c h u y n n h n g.

i u 33. C á c i u k i n t i n h à n h h p i h i n g c ô n g

1. i h i n g c ô n g c t i n h à n h k h i c ó s c ô n g đ h p i d i n c h o í t n h t 65% (s á u m i l m p h n t r m) t r o n g t n g s c p h n c ó q u y n b i u q u y t.

2. T r ñ n g h p c u c h p l n t h n h t k h ô n g i u k i n t i n h à n h t h e o q u y n h t i k h o n 1, i u n à y t h i c t r i u t p h p l n t h h a i t r o n g t h i h n 30 (b a m i) n g à y k t n g à y đ n h t c h c i h i n g c ô n g l n t h n h t. i h i n g c ô n g t r i u t p l n t h h a i c h

c tín hành khi có thành viên tham dự là các công và nh ng i di n c y quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% (n m m i ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c tín hành do không có s i bi u c n thi t theo quy nh t i kho n 2 i u này thì i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng 20 (hai m i) ngày k t ngày đ nh tín hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c tín hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n y quy n tham đ và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch t a, i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u l này.

i u 34. Th th c tín hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Ngân hàng ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

2. Khi tín hành ng ký c ông, Ngân hàng s c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t ho c các phi u bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi tín hành bi u quy t b ng th t i h i, s th ng h ngh quy t c m tr c, s th ph n i ngh quy t c m sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch t a thông báo ngay sau khi tín hành bi u quy t v n ó. Khi bi u quy t b ng các phi u bi u quy t có th bao g m nhi u v n c n l y bi u quy t. K t qu ki m phi u bi u quy t s c xác l p thành biên b n riêng. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó.

3. Công n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay v à sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch t a không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã tín hành tr c khi c ông n mu n tham đ s không b nh h ng.

4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch c h p b u ra Ch t a c a i h i ng c ông, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr. Ch t ch, Phó ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ông b u ra c m t th ký ho c T th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b . Ch t a i h i ng c ông có th ngh m t ch t a oàn v i s l ng không quá 3 (ba) ng i cùng ch trì i h i.

5. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ông ã có s ng i ng ký đ h p theo quy nh n m t th i i m khác ho c thay i a i m h p trong các tr ng h p sau ây:

a) a i m h p không có ch ng i thu n tín cho t t c ng i đ h p;

b) Có ng i d h p có hành vi c n tr , gây r i t t , có nguy c làm cho cu c h p không c ti n hành m t cách công b ng và h p pháp;

c) Th i gian hoãn t i a không quá 3 (ba) ngày, k t ngày cu c h p d nh khai m c.

6. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng h p i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 5 i u này, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.

7. Ch t a c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l v à có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .

8. Ng i tri u t p i h i c ông có th yêu c u các c ông ho c i di n c y quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh m à H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c y quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói tr ên, ng i tri u t p i h i c ông sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nói trên ra kh i cu c h p i h i.

9. Ng i tri u t p i h i c ông, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

a) i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ông;

b) B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;

c) T o i u ki n cho c ông tham d (ho c ti p t c tham d) i h i.

Ng i tri u t p i h i c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nói tr ên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

a) Thông báo r ng i h i s c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch t a i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);

b) B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c y quy n không d h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Điều 35. Thông qua quyết định của Hội đồng

1. Hội đồng thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tập thể theo quy định của pháp luật về ngân hàng và tài chính. Hội đồng thông thường niên không cần thành lập hình thức ủy quyền.

2. Các quyết định thông qua tập thể phải có sự đồng ý của ít nhất 50% (một nửa) tổng số thành viên có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày và thảo luận, nội dung chính trình bày và thảo luận hành động không cần chú ý như quy định.

3. Quyết định của Hội đồng phải được thông báo nội dung có quyền biểu quyết Hội đồng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định thông qua.

4. Quyết định của Hội đồng về các vấn đề quy định tại các mục a, b, d, e, g, i, k, l, m và o, khoản 1, Điều 29 của Luật này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tập thể theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định của Hội đồng được thông qua tập thể khi bỏ phiếu như sau đây:

a) Các sự đồng ý chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền có mặt trực tiếp tại cuộc họp;

b) Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật, theo số phiếu đồng ý của tổng số biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các thành viên có quyền biểu quyết của mình cho một hoặc nhiều thành viên.

c) Các sự đồng ý chiếm ít nhất 75% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của tất cả các thành viên hiện diện tại cuộc họp như sau:

- Quyết định về loại hình và tài sản của công ty chào bán;
- Quyết định của Hội đồng Ngân hàng;
- Quyết định về chi tiêu, ghi chép Ngân hàng;
- Quyết định về chỉ tiêu hoặc chỉ tiêu thực tế trong trình bày phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.

6. Thẩm quyền và thủ tục ủy quyền của Hội đồng bằng văn bản thông qua quyết định của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 105, Luật Doanh nghiệp. Trình bày thông qua quyết định hình thức ủy quyền bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng được thông qua nếu các sự đồng ý chiếm ít nhất 75% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số biểu quyết của các thành viên có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền có mặt trực tiếp tại cuộc họp.

Điểm 36. Thủ tục quy định và thủ tục ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật

Thủ tục quy định và thủ tục ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật như sau đây:

1. Thủ tục quy định có quy định ký kết ngân hàng và ngân hàng thông qua quy định của pháp luật ngân hàng bắt đầu từ thời điểm nào thì tùy thuộc vào lợi ích của Ngân hàng.

2. Thủ tục quy định phải tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời quy định pháp luật và tài liệu ghi trình thủ tục quy định. Thủ tục ký kết kèm theo thủ tục quy định và tài liệu ghi trình phải ghi rõ nội dung thủ tục báo cáo cách thức quy định của ngân hàng.

3. Thủ tục ký kết phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề liên quan thông qua quy định;

c) Họ, tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân hoặc đi kèm theo quy định của cá nhân là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Phương án bảo vệ quy định bảo đảm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi Ngân hàng thủ tục ký kết để xử lý;

f) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của Ngân hàng.

4. Thủ tục ký kết để xử lý phải có chữ ký của cá nhân là cá nhân, của người đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của cá nhân là tổ chức.

5. Thủ tục ký kết gửi Ngân hàng phải đóng trong phong bì dán kín và không ai được quy định mở khi ký kết. Các thủ tục ký kết gửi Ngân hàng sau thời hạn xác định nội dung thủ tục ký kết hoặc đã báo cáo không hợp lệ.

6. Thủ tục quy định ký kết phải lập biên bản ký kết phải do Ban kiểm soát hoặc cá nhân không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản ký kết phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nội dung đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề liên quan thông qua quy định;

c) Số công việc thủ tục bảo vệ quy định để tham gia bảo vệ quy định, trong đó phân biệt thủ tục bảo vệ quy định hợp lệ và thủ tục bảo vệ quy định không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cá nhân tham gia bảo vệ quy định;

d) Tình trạng thủ tục tán thành, không tán thành và không có ý kiến về nội dung;

) Các quy t nh ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

7. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c g i n các c ông trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

8. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n quy t nh ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

9. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 37. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d i h i ng c ông theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c y quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Vi c y quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Ngân hàng và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p c ông cá nhân là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a c ông ó và ng i c y quy n đ h p;

b) Tr ng h p ng i i di n theo y quy n c a c ông là t ch c là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p;

c) Trong tr ng h p khác thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p.

Ng i c y quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n y quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th y quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a th y quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Ngân hàng).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a) Ngân quỹ quy định về chi tiêu, bổ sung nhân sự ngân hàng và nhân sự chi nhánh; nhân sự;

b) Ngân quỹ quy định về chi tiêu ngân quỹ;

c) Ngân quỹ quy định về chi tiêu ngân quỹ chi tiêu ngân quỹ.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về mất trong các số kỳ nhân sự tháng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi khai mạc cuộc họp hội đồng quản trị khi cuộc họp trực tiếp.

Điều 38. Thay đổi các quy định

1. Các quy định của hội đồng liên quan đến việc phân bổ Ngân hàng chia thành các loại phần khác nhau, và việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định liên quan đến việc phân bổ sẽ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của ban chấp hành ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quy định của quy tắc áp dụng đã phát hành trước.

2. Việc thực hiện các cuộc họp trên đây có giá trị khi có sự nhất trí của hai hội đồng (hoặc ủy ban) và ít nhất một phần ba giá trị danh nghĩa của các phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự nhất trí trên thì sẽ tiếp tục họp trong vòng ba mươi ngày sau đó và ban chấp hành ít nhất 75% (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ phần) có mặt tại cuộc họp thông qua việc điều chỉnh quy định trước coi là sự nhất trí của hội đồng. Tất cả các cuộc họp riêng biệt nêu trên, ban chấp hành ít nhất 75% (không phải thu c) có mặt tại cuộc họp qua mạng hoặc điều chỉnh quy định trước có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và miễn cưỡng khi bỏ phiếu kín có mặt lá phiếu cho mỗi phần của sổ thu c).

3. Thực hiện hành các cuộc họp riêng biệt này và việc thực hiện nghị quyết về các quy định của Điều 33 và Điều 35 của Điều lệ này.

4. Trường hợp điều khoản phát hành các phần quy định khác, các quy định liên quan đến việc phân bổ có quy định về việc sửa đổi hoặc bổ sung các văn bản liên quan đến việc phân bổ hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các phần cùng loại.

Điều 39. Biên bản họp hội đồng

1. Người chủ trì hội đồng chịu trách nhiệm chuẩn bị và trình các biên bản hội đồng và gửi cho tất cả các hội đồng trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi hội đồng kết thúc. Biên bản hội đồng được coi là bản chính xác về nội dung công việc đã tiến hành tại hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của ra theo đúng quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải có chữ ký của Giám đốc, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký, có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ sách và các tài liệu khác và văn bản quy định tham dự phải có chữ ký của Giám đốc và văn bản của Ngân hàng.

2. Trong vòng mười lăm (mười lăm) ngày kể từ ngày bắt đầu cuộc họp, tất cả các quy định của hội đồng được thông qua phải được gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Ngân hàng Trung ương.

điều 40. Yêu cầu quy định của Hội đồng

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý sự kiện Hội đồng, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy định của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng không thể hiện đúng theo quy định của Điều này và quy định của pháp luật; hoặc
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều này hoặc pháp luật.

Mục 3

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

điều 41. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng quyết định, thể hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trước nhà đầu tư và các chủ thể quy định của Hội đồng.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tỷ lệ tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không kiêm nhiệm và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 2 (hai) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.

3. Trường hợp số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua các và các văn bản không số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ sung thêm các thành viên hoặc tổ chức các theo một cách do Ngân hàng quy định. Các cách hay cách thức Hội đồng quản trị bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải của Hội đồng thông qua trước khi tiến hành các.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có sự đồng ý của Ngân hàng Nhà nước chủ yếu.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người in mặt của Ngân hàng.

điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trong việc thể hiện nhiệm vụ, quyền hạn của giao.

2. Quy định chỉ định, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.

3. Quy định về cấu trúc cơ cấu tài chính, bộ phận kế toán nội bộ, sự giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, văn phòng đại diện, văn phòng nghiên cứu.

4. Quy định về cơ cấu giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, thành lập văn phòng nghiên cứu.

5. Nhiệm vụ, thẩm quyền, bãi nhiệm, kỷ luật, khen thưởng và quy định về mặt lợi ích khác nhau về các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc bộ phận kế toán nội bộ, Giám đốc giao dịch, chi nhánh, công ty trực thuộc, văn phòng nghiên cứu, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

7. Công việc đại diện văn phòng của ngân hàng tổ chức doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quy định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, các giao dịch thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị.

9. Quy định các hình thức giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, công nhân viên chức và người có liên quan của Hội đồng quản trị có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai phần trăm) vốn tự có của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Quy định về chế độ kiểm toán nội bộ theo quy định của Hội đồng quản trị.

11. Chế độ trách nhiệm và các văn bản có liên quan của bộ phận kế toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

12. Kiểm tra, giám sát, chức năng của Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ công phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

13. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trình Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc Hội đồng quản trị.

14. Quy định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá tài sản không phải là tài sản Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

17. Trình Thủ tục Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuyển các văn bản theo quy định của pháp luật.
18. Kinh nghiệm về tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động của Ngân hàng.
19. Quy trình chào bán cổ phần mới trong phạm vi sơ cấp phát cổ phiếu quy định chào bán cổ phiếu.
20. Quy trình giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
21. Quy trình mua trái phiếu của ngân hàng theo quy định của pháp luật này.
22. Trình báo cáo quy toán tài chính hàng năm lên Hội đồng.
23. Kinh nghiệm phân tích rủi ro, quản lý rủi ro; quy trình thẩm định và thẩm tra các dự án phát sinh trong quá trình kinh doanh.
24. Chức năng, nhiệm vụ, tài liệu liên quan trình Hội đồng quy định các văn bản thu nhập quy định của Hội đồng, trình hàng năm thu nhập của nhân viên của Ban kiểm soát.
25. Duy trì hồ sơ, tài liệu, hồ sơ pháp lý của Hội đồng; trình và chấp hành pháp lý của Hội đồng hoặc ủy viên Hội đồng bằng văn bản thông qua quy định.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng hoặc của Hội đồng quản trị.
27. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật này và pháp luật.

Điều 43. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là công dân Việt Nam trong số thành viên của mình.
2. Quy định và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Trình và chấp hành các quyết định của Hội đồng;
 - b) Lập kế hoạch, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c) Chức năng, nhiệm vụ, tài liệu, kế hoạch pháp lý của Hội đồng quản trị hoặc Ủy viên Hội đồng quản trị; trình và chấp hành các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện các quy định;
 - e) Mời mời các thành viên Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Hội đồng;
 - f) Mời mời các thành viên Hội đồng quản trị nhận thông tin, khách quan, chính xác, và dữ liệu liên quan đến các văn bản mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

g) Chủ nhiệm kiêm làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phải có thể hiện đầy đủ ngân sách và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc phân công và các nhiệm vụ quy định của họ;

i) Giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị;

k) Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tại thời điểm năm tài chính và báo cáo hiệu quả công việc qua đánh giá này;

l) Mời báo cáo viên độc lập có thể có báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy định của Ngân hàng, và Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị;

m) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban ngân sách cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quy định và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng biết về vị trí quy định này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc một khi ngừng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bổ nhiệm Phó chủ tịch tạm thời để thay thế Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch vắng mặt hoặc không thể làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác trong số những thành viên của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau.

Điều 44. Quy định và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quy định của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, Điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bảo vệ, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

6. Yêu cầu triệu tập họp hiệu quả công việc bất thường theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp không biểu quyết vì xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước hội đồng công và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

8. Trình khai thác hiện các quyết định của Hội đồng và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

9. Có trách nhiệm giám trình trước hội đồng công, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ giao khi cần yêu cầu.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 45. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị đánh giá mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Hội đồng công quyết định từ các cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phụ ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phụ báo cáo hội đồng công từ các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nhận mức thù lao (bao gồm mức thù lao Chiết khấu hoặc Phó chiết khấu), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dựa trên mức công trình góp theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị thanh toán các chi phí, , liên quan và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc diện quy định khoản 2, Điều 63 Điều lệ này;

b) Có đủ năng lực nghiệp vụ trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

c) Hiệu lực về hoạt động ngân hàng:

(i) Có bằng cấp học trên cấp đại học ngành kinh tế hoặc luật; hoặc

(ii) Có ít nhất 3 (ba) năm làm quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc

(iii) Là công cá nhân s h u ít nh t 5% (n m ph n tr m) t ng s v n c ph n ph thông có quy n bi u quy t c a Ngân hàng, và: có ch ng ch xác nh n ã qua ch ng trình ào t o v ngân hàng c a c quan có th m quy n ho c có ít nh t 1 (m t) n m làm vi c trong ngành ngân hàng.

2. Thành viên H i ng qu n tr c l p là thành viên áp ng các i u ki n theo kho n 1 i u này và các yêu c u sau:

a) Không ph i là ng i ang làm vi c cho Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng ho c ã làm vi c cho Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng b t k th i gian nào trong 3 (ba) n m li n k tr c ó.

b) Không ph i là ng i ang h ng l ng, thù lao, ph c p khác c a Ngân hàng ngoài nh ng kho n c h ng theo tiêu chu n thành viên H i ng qu n tr .

c) Không ph i là ng i mà v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t c a mình s h u t 5% (n m ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng; là ng i qu n lý ho c thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c công ty tr c thu c c a Ngân hàng vào th i i m hi n t i ho c b t k th i gian nào.

d) Không tr c ti p ho c i di n s h u t 1% (m t ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

) Không cùng Ng i có liên quan theo quy nh t i i u l này s h u t 5% (n m ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

3. Ngoài các i u ki n, tiêu chu n quy nh t i i u này thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng ph i tuân th các quy nh hi n hành c a pháp lu t có liên quan.

i u 47. ng nhiên m t t cách, bãi nhi m, mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. Các tr ng h p ng nhiên m t t cách thành viên H i ng qu n tr :

a) M t n ng l c hành vi dân s ho c ch t.

b) Vi ph m kho n 2, i u 63 i u l này;

c) T cách pháp nhân c a c ông là t ch c (mà thành viên H i ng qu n tr ó là ng i i di n v n góp) ch m d t.

d) T cách làm ng i i di n theo y quy n ch m d t.

) B tòa án quy t nh tr c xu t kh i lãnh th n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam.

e) Ngân hàng b thu h i gi y phép thành l p và ho t ng;

g) Quy t nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ch c danh nhi m k m i có hi u l c mà thành viên H i ng qu n tr ó không c b nhi m l i.

2. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày xác nh c (các) thành viên H i ng qu n tr b ng nhiên m t t cách theo quy nh t i i m a, b, c, d và , kho n 1 i u này, H i ng qu n tr ph i có v n b n báo cáo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo n ày tr c pháp lu t;

ng thi th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng sau khi b xác nh m t t cách ng nhiên v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

4. Ch c danh c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y tr c ây c a nh ng ng i b m t t cách ng nhiên quy nh t i kho n l i u này ng nhiên h t hi u l c.

5. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr b xem xét b i nhi m, mi n nhi m trong các tr ng h p sau:

a) N ng l c hành vi dân s b h n ch ;

b) Có n xin t ch c (trong ó nêu rõ lý do t ch c);

c) Không m b o yêu c u v tính c l p i v i thành viên H i ng qu n tr c l p;

d) Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong 6 (sáu) tháng li ên t c tr tr ng h p b t kh kháng;

e) B c quan qu n lý Nhà n c xác nh là vi ph m nghiêm tr ng các quy nh t i i u 65 và i u 66 i u l này.

f) Khi c quan có th m quy n b u, b nhi m xét th y c n thi t.

g) Các tr ng h p khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

6. Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng sau khi b mi n nhi m, b i nhi m v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này, ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

7. Ch c danh ã c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ng nhiên h t hi u l c khi b mi n nhi m, b i nhi m theo quy t nh c a c quan có th m quy n c a Ngân hàng.

8. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày thông qua quy t nh mi n nhi m, b i nhi m i v i (các) thành viên H i ng qu n tr theo quy nh t i kho n 5 i u này, H i ng qu n tr Ngân hàng ph i có v n b n thông báo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo này tr c pháp lu t; ng thi th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

i u 48. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n 7 (b y) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr.

2. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. H i ng qu n tr có th h p t i tr s chính c a Ngân hàng ho c n i khác.

3. Cuộc họp nhậm chức Hội đồng quản trị do Chủ tịch trực tiếp bầu lúc nào sau khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là một quý phải họp một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải trực tiếp họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:

- a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát;
- b) Có nghị quyết của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý;
- c) Có nghị quyết ít nhất 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo miệng phẩm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo miệng phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phụ lục quy tắc thành viên.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người trực tiếp gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo nên các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như là thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đề xuất cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị của Chủ tịch quy định phải trực tiếp họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các nghị quyết theo Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người quy định không trực tiếp họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra về Ngân hàng, trường hợp không trực tiếp họp là vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người họp Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đồng ý biểu quyết của Chủ tịch cuộc họp.

8. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp phải họp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo miệng họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị của tổ chức hành chính khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên đồng ý. Trường hợp không trực tiếp đồng ý, thành viên Hội đồng quản trị có quyền quy định biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ký tên biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phụ lục quy định phải niêm phong bì kín và phải chuyển đến Chủ tịch cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 1 (một) giờ kể từ khi khai mạc. Phụ lục quy định chi tiết các thủ tục đăng ký các thành viên trực tiếp đồng ý.

10. Thành viên Hội đồng quản trị của quy định khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị đồng ý của các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người quy định đồng ý không được biểu quyết.

11. Quy định của Hội đồng quản trị thông qua quyết định của Hội đồng quản trị thành, bao gồm các phi vụ quy định và các phi vụ quy định theo quy định; trường hợp phi vụ ngang nhau thì quy định cùng thu về phía có ý kiến của Hội đồng quản trị.

Điều 49. Sản phẩm dịch vụ và chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các ủy ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và thành viên công ty, các kế toán công ty, và các thành viên bên ngoài khác thực hiện các công việc liên quan phù hợp với luật và quy định của pháp luật, nội dung thì thực hiện quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị của Ngân hàng mà không cần phải tham khảo bất kỳ một ngân hàng nào của Ngân hàng.

Mục 4 TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 50. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện hành động của Ngân hàng.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quy định và nhiệm vụ công giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 (năm) năm từ ngày Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng giám đốc có thể bổ nhiệm liên tục nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b) Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị;
 - c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phê duyệt các ngân hàng;
 - d) Kinh doanh phê duyệt các quyết định, quy định nội bộ Ngân hàng;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - f) Quyết định lương và phúc lợi cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kinh doanh phê duyệt các quyết định trong kinh doanh;
 - i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quy định và các thông tin tài chính khác;
 - k) Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp và hành vi trong hoạt động kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

l) Báo cáo v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, i h i ng c ông v à các c quan Nhà n c có th m quy n v ho t ng, hi u qu v à k t qu kinh doanh c a Ngân hàng theo quy nh c a pháp lu t và i u l này;

m) c quy t nh áp d ng các bi n pháp v t th m quy n c a mình trong tr ng h p kh n c p (thiên tai, ch h a, h a ho n, s c) và ch u trách nhi m v nh ng quy t nh ó, sau ó ph i báo cáo ngay H i ng qu n tr gi i quy t ti p;

n) Ki n ngh , xu t vi c t ch c, qu n tr và ho t ng Ngân hàng nh m nâng cao ch t l ng, hi u qu ho t ng c a Ngân hàng trình H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông quy t nh theo th m quy n;

o) ngh tri u t p h p H i ng qu n tr b t th ng theo quy nh t i i u l này;

p) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t có liên quan.

i u 51. Giúp vi c cho T ng giám c

1. Giúp vi c cho T ng giám c là các Phó T ng giám c, K toán tr ng, Tr ng các phòng, ban ch c n ng và các ch c danh khác theo quy nh c a Ngân hàng.

2. Phó T ng giám c tr giúp T ng giám c trong vi c qu n lý, i u h ành m t ho c m t s l nh v c ho t ng c a Ngân hàng theo phân công c a T ng giám c, báo cáo và ch u trách nhi m tr c T ng giám c và tr c pháp lu t v nhi m v c T ng giám c phân công.

3. S l ng Phó T ng giám c do H i ng qu n tr quy t nh trên c s xu t c a T ng giám c.

4. K toán tr ng giúp T ng giám c ch o th c hi n công tác k toán, th ng kê c a Ngân hàng, có các quy n và nhi m v theo quy nh c a pháp lu t và n i b ngân hàng.

i u 52. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng giám c, Phó T ng giám c

1. T ng giám c Ngân hàng ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) Không thu c i t ng quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

b) Có o c ngh nghi p trên c s tuân th theo quy nh t i i u 65 và i u 66 i u l này;

c) Có trình chuyên môn và kinh nghi m:

(i) Có b ng i h c ho c trên i h c v ngành tài chính ngân hàng và có ít nh t 03 n m làm T ng giám c (Giám c), Phó T ng giám c (Phó Giám c), Giám c n v tr c thu c (chi nhánh, s giao d ch, công ty tr c thu c) c a ngân hàng th ng m i; ho c

(ii) Có b ng i h c ho c trên i h c v các ngành không ph i ngành tài chính ngân hàng và có ít nh t 5 (n m) n m làm T ng giám c (Giám c), Phó T ng giám c (Phó Giám c), Giám c n v tr c thu c (chi nhánh, s giao d ch, công ty tr c thu c) c a ngân hàng th ng m i;

d) C trú t i Vi t Nam trong th i gian ng nhi m.

2. Phó T ng giám c Ngân hàng ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) Không thu c i t ng quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

b) Có trình chuyên môn và kinh nghi m:

(i) Có b ng i h c ho c trên i h c v ngành kinh t , lu t ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m; ho c

(ii) Có b ng i h c ho c trên i h c ngoài các ngành, l nh v c nêu trên và có ít nh t 03 n m làm vi c tr c ti p trong ngành tài chính ngân hàng ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m.

c) C trú t i Vi t Nam trong th i gian ng nhi m.

3. Ngoài các i u ki n, tiêu chu n quy nh t i i u này T ng giám c, Phó T ng giám c c a Ngân hàng ph i tuân th các quy nh hi n hành c a pháp lu t có liên quan.

i u 53. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c

1. T ng giám c ng nhiên m t t cách T ng giám c trong các tr ng h p sau:

a) M t n ng l c hành vi dân s ho c ch t;

b) Vi ph m quy nh t i kho n 2, i u 63 i u l này;

c) B toà án quy t nh tr c xu t kh i lãnh th n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam;

d) Ngân hàng b thu h i gi y phép thành l p và ho t ng;

) Quy t nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ch c danh T ng giám c c a nhi m k m i có hi u l c;

e) H p ng thuê T ng giám c h t hi u l c.

2. Trong th i h n 5 (n m) ngày làm vi c, k t ngày xác nh c T ng giám c b ng nhiên m t t cách theo quy nh t i i m a, b, c, d và e, kho n l i u này, H i ng qu n tr c a Ngân hàng ph i có v n b n báo cáo kèm tài li u ch ng minh c th g i Ngân hàng Nhà n c và ph i ch u trách nhi m v tính chính xác, trung th c c a báo cáo này tr c pháp lu t; ng th i th c hi n các th t c b u, b nhi m ch c danh b khuy t theo các quy nh c a pháp lu t.

3. T ng giám c c a Ngân hàng sau khi b xác nh m t t cách ng nhiên v n ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh trái v i quy nh c a pháp lu t và i u l này, ho c các quy t nh c ý làm sai c a mình trong th i gian ng nhi m.

4. Ch c danh c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y tr c ây c a T ng giám c b m t t cách ng nhiên quy nh t i kho n l i u này ng nhiên h t hi u l c.

5. T ng giám c c a Ngân hàng b xem xét bãi nhi m, mi n nhi m trong các tr ng h p sau:

a) N ng l c hành vi dân s b h n ch ;

b) Có n xin t ch c (trong ó nêu rõ lý do xin t ch c);

c) Ban giám đốc Ngân hàng Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định từ Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.

d) Khi cần quan có thẩm quyền bổu, bổnhiệm xét thực hiện thi t.

g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

6. Tổng giám đốc Ngân hàng sau khi bổm nhiệm, bổnhiệm vận hành chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian nhiệm vụ.

7. Chức danh Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu thuộc nhiệm vụ khi bổm nhiệm, bổnhiệm theo quy định của quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

8. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định bổm nhiệm, bổnhiệm về việc các quy định theo quy định từ Điều 5 Điều lệ này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục bổu, bổnhiệm chức danh bổkhuyết theo các quy định của pháp luật.

Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục bổnhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

Mục 5

BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên. Ban kiểm soát bổu một thành viên làm Trưởng ban.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bổnhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bổu lại về nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 55. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, vận hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng công bổnhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, quy định giao.

2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lập Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quản trị rủi ro kế toán và báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến phần kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng văn phòng

và quy định tính chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan nội
họ tên quản lý, nội dung Ngân hàng thực hiện nhiệm vụ giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, bao
gồm các báo cáo tài chính đã kê kê toán báo cáo kê toán các loại thuế chi. Báo cáo
đi kèm công văn kèm theo thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp
pháp, trung thực và mức độ trung thực trong công tác kê toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị
lên Hội đồng.

5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, nội dung họ tên của
Ngân hàng khi thực hiện theo quy định của Hội đồng công tác theo yêu cầu
của các công tác nhóm công việc theo quy định tại Điều 1, khoản 1, nội dung 26 nội dung này. Ban
kiểm soát tiến hành kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận
được yêu cầu của các công tác nhóm công việc nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể
từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, ghi trình văn bản yêu cầu
kiểm tra Hội đồng quản trị và công tác nhóm công việc có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban
kiểm soát quy định tại khoản này không có tính chất, gây gián đoạn họ tên bình thường trong
việc quản lý, nội dung họ tên kinh doanh của Ngân hàng.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trong hợp lệ phạm vi của
quản lý Ngân hàng theo quy định tại nội dung này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan,
đồng thời yêu cầu người phạm phạm vi phạm và có gì pháp khắc phục hậu quả
(nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên
Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và công tác sáng lập, công tác hợp pháp quản lý của Ngân
hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.

7. Những Hội đồng quản trị hợp pháp theo hợp lệ Hội đồng quản trị trực tiếp
hội đồng công tác hợp pháp theo quy định tại nội dung này và pháp luật.

8. Trực tiếp người công tác theo hợp lệ Hội đồng quản trị có
quy định phạm vi phạm nghiêm trọng quy định tại nội dung này hoặc có quy định vượt quá thẩm
quy định giao và trọng hợp khác theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Quy định và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quy định sau:

1. Thực hiện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát theo quy
định tại nội dung này.

2. Chủ trì công tác trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn
đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quy định của
Ban kiểm soát; trực tiếp và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát trực tiếp người công tác hợp pháp theo hợp lệ
Hội đồng quản trị hợp pháp theo quy định tại nội dung này.

5. Chủ nhiệm kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng.

6. Mời mời các thành viên Ban kiểm soát nhận các thông tin ý kiến, khách quan, chính xác và trung thực gian thời gian các vụ việc mà Ban kiểm soát phải xem xét.

7. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc phân công và nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát.

8. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

9. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định pháp luật.

Điều 57. Quy định và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quy định sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quy định của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cộng đồng.

2. Bảo mật nhiệm vụ, bí mật Trust của Ban kiểm soát.

3. Yêu cầu Trust của Ban kiểm soát triu tu ph p Ban kiểm soát bất thành.

4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiểm tra các sai phạm nếu có.

5. Thực hiện yêu cầu của cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và ghi trình các hoạt động kinh doanh thực hiện nhiệm vụ phân công.

6. Báo cáo Trust của Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thành và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thu c nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát, trình bày ý kiến có xung đột lợi ích.

8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiểm tra, những không biểu quyết.

9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trình Hội đồng.

10. Các nhiệm vụ, quy định khác theo quy định Điều lệ này và pháp luật.

Điều 58. Quy định của cộng đồng thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo miệng, phiếu lý do ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải gửi thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức nhất định với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành gửi thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức nhất định với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ, tài khoản chính, chi nhánh và các tài khoản khác; có quyền nhận các tài khoản ngân hàng và nhân viên Ngân hàng làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải báo cáo kịp thời các báo cáo các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẵn sàng cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và hưởng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng công. Hội đồng công quy định mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được đưa vào sổ ngày làm việc để tính, sổ lương và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích và các chi phí khác. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát theo Hội đồng công chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng công có quy định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc diện theo quy định khoản 2, Điều 63 Điều lệ này;

2. Có năng lực nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

3. Có bằng cấp học tập trên cấp đại học ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính kế toán, kế toán;

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng;

5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đảm nhiệm.

6. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định Điều lệ này thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 61. Nguyên tắc cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp nguyên tắc cách thành viên Ban kiểm soát:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b) Vi phạm khoản 2, điều 63 của Luật này;

c) Tác cách pháp nhân của công là tác cách (mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đi đến góp) chi tiết;

d) Tác cách làm người đi đến theo quy định chi tiết;

đ) Bộ tòa án quy định trách nhiệm xử lý khi lãnh đạo của Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) Ngân hàng bắt thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

g) Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu của danh sách nhiệm vụ của người đi đến mà thành viên Ban kiểm soát đó không thực hiện.

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định (các) thành viên Ban kiểm soát bắt đầu nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ, khoản 1, điều này, Hội đồng quản trị của ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cho thấy Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này theo pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục báo, báo nhiệm vụ của danh sách theo các quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng sau khi báo xác định nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều của ngân hàng, hoặc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều của ngân hàng, hoặc các quy định trái với quy định của pháp luật trong thời gian nhiệm vụ.

4. Thành viên Ban kiểm soát báo xem xét, báo nhiệm vụ, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hành vi dân sự báo;

b) Có xin thôi việc (trong đó nêu rõ lý do xin thôi việc);

c) Báo quan quản lý Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại điều 65 và điều 66 của Luật này;

d) Khi có quan có thẩm quyền báo, báo nhiệm vụ xét thấy cần thiết;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của Luật này và pháp luật.

5. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi báo miễn nhiệm, báo nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều này, hoặc các quy định trái với quy định của pháp luật trong thời gian nhiệm vụ.

6. Chức danh của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chủ yếu của người đi đến khi báo miễn nhiệm, báo nhiệm vụ theo quy định của pháp luật có thẩm quyền của Ngân hàng.

7. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định miễn nhiệm, báo nhiệm vụ (các) thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 của Luật này, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cho thấy Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này theo pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục báo, báo nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát báo theo các quy định của pháp luật.

Điểm 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát ưu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 (bảy) ngày sau buổi Ban kiểm soát họp. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp nhiều và bất thường. Các cuộc họp nhiều của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Trường Ban kiểm soát hoặc người thẩm định chi của Trường Ban kiểm soát triệu tập.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo nguyên tắc:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Trường Ban kiểm soát;
- d) Các thành viên Ban kiểm soát;
- e) Tổng giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản nghị quyết của Ban kiểm soát bất thường của một trong các hội đồng nêu tại điểm a, b, d và e, khoản 3 điểm này, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường họp, sau hai lần nghị quyết tập mà Trường ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Ngân hàng tổ chức chính và tiến hành họp Ban kiểm soát xử lý công việc, đồng thời quy định nội dung minh bạch, đầy đủ nội dung danh Trường Ban kiểm soát, bổ sung thành viên Ban kiểm soát mở rộng các hội viên kinh doanh của danh Trường Ban kiểm soát, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quy định khác của pháp luật có hiệu lực hiện hành xử lý những nội dung, vướng mắc của thẩm định quy định (nếu có).

5. Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khách quan, trung thực và ký của Ngân hàng.

6. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản nội dung Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về nội dung văn bản bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự phải biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Mục 6

**NH NG TRƯỜNG NGHỊ QUYẾT KHÔNG ĐƯỢC MỜI NHỊM CHỨC VÀ NH NG
TRƯỜNG NGHỊ QUYẾT CÙNG MỜI NHỊM CHỨC**

Điểm 63. Những trường hợp không cùng nhiệm vụ

1. Những người sau đây không cùng là Kế toán trưởng, Giám đốc Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng:

a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;

c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sức khỏe; người đã từng bị kết án về các tội tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% (mất từ mức phần trăm) vốn sở hữu nhà nước, trường hợp người này cũng làm việc đi theo quy định quản lý phần vốn góp nhận từ doanh nghiệp khác;

e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

f) Bà mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không cùng là Kế toán trưởng của Ngân hàng;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Những người sau đây không cùng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:

a) Thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

c) Người đi theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trường hợp là đi theo nghĩa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đó;

d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng theo quy định của Điều 25 Nghị định 59/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến vi phạm Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

e) Bà mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không cùng là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.

Điểm 64. Những trường hợp không cùng nhiệm vụ

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

- a) Không có nghĩa là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- b) Không có nghĩa là người quản lý các tài sản khác, trừ trường hợp có sự đồng ý của Hội đồng quản trị hoặc có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không có nghĩa là người điều hành của Ngân hàng; không có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành các tài sản khác, trừ trường hợp có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng.

2. Thành viên Ban kiểm soát:

- a) Không có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty trách nhiệm của Ngân hàng;
- b) Không có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát không có nghĩa là thành viên Ban kiểm soát, người điều hành các tài sản khác.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không có nghĩa là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị các tài sản khác, trừ trường hợp có là công ty trách nhiệm của Ngân hàng; không có nghĩa là tham gia vào hành vi doanh nghiệp khác.

Mục 7

NGHỊ QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:

- a) Tên, địa chỉ thực sự chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, các phần hoặc tỷ lệ, ý thức cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 5% (năm phần trăm) vốn đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức đó, tài sản và thị giá của sở hữu phần vốn góp hoặc phần đó;
- b) Tên, địa chỉ thực sự chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Vì c kê khai quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u này ph i c thông báo cho i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên g n nh t ho c thông báo nh k hàng n m cho c ông c a Ngân hàng và c niêm y t, l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

4. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c nhân danh cá nhân ho c nhân danh ng i khác th c hi n công vi c đ i m i hình th c trong ph m vi công vi c kinh doanh c a Ngân hàng u ph i gi i trình b n ch t, n i dung c a công vi c ó tr c H i ng qu n tr , Ban ki m soát và ch c th c hi n khi c a s thành viên còn l i c a H i ng qu n tr ch p thu n; n u th c hi n mà không khai báo ho c không c s ch p thu n c a H i ng qu n tr thì t t c thu nh p có c t ho t ng ó thu c v Ngân hàng.

i u 66. Ngh a v c a Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và thành viên Ban i u hành

1. Th c hi n các quy n và nhi m v c giao theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l này, quy t nh c a i h i ng c ông ho c ch s h u ho c thành viên góp v n c a Ngân hàng.

2. Th c hi n các quy n và nhi m v c giao m t cách trung th c, c n tr ng, t t nh t vì l i ích c a Ngân hàng.

3. Trung thành v i l i ích c a Ngân hàng; không s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Ngân hàng, l m đ ng a v, ch c v và tài s n c a Ngân hàng thu l i cá nhân ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác ho c làm t n h i t i l i ích c a Ngân hàng.

4. Thông báo k p th i, y , chính xác cho Ngân hàng v quy n l i có th gây xung t mà h có c các t ch c kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác v à ch c s d ng nh ng c h i ó khi H i ng qu n tr ã xem xét và ch p thu n.

5. Không c c nh tranh b t h p pháp v i Ngân hàng ho c t o i u ki n cho bên th ba gây t n h i l i ích c a Ngân hàng.

6. Không c t o i u ki n cá nhân mình ho c ng i có liên quan c a mình quy nh t i i m l, kho n l, i u l, i u l này vay v n Ngân hàng v i nh ng i u ki n u ãi, thu n l i h n so v i quy nh chung c a pháp lu t và c a Ngân hàng.

7. Không c t ng l ng, thù lao, tr th ng khi Ngân hàng b l .

8. Các ngh a v khác theo quy nh pháp lu t.

i u 67. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và các thành viên khác c a Ban i u hành không th c hi n ngh a v c a mình m t cách trung th c, v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i c a Ngân hàng do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. Ngân hàng s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, khi u ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c ti n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Ngân hàng th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Ngân hàng) n u ng i ó th c hi n nhi m v c a Ngân hàng v i t cách là thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c, các thành

viên Ban điều hành, cán bộ nhân viên hoặc là điều hành Ngân hàng (hay công ty trực thuộc Ngân hàng) quy định.

3. Ngân chi phí của bất kỳ ngân hàng bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế lưu chuyển), chi phí theo phán quyết của quan tài phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thanh toán hoặc coi là mất mát khi giải quyết tranh chấp vì vậy nên trong khuôn khổ pháp luật cho phép, vì vậy điều kiện là ngân hàng đã hành động trung thực, công bằng, minh bạch và vì lợi ích chuyên môn vì lợi ích hoặc không chấp hành lợi ích của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm của mình.

4. Ngân hàng có quy định mua bảo hiểm cho ngân hàng để tránh ngân hàng trách nhiệm bất kỳ ngân hàng nêu trên.

Điều 68. Hợp đồng, giao dịch phi công khai, Hợp đồng quản trị chi phí

1. Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng và các điều kiện sau đây phải công khai hoặc Hợp đồng quản trị chi phí (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật các tổ chức tín dụng):

a) Công khai điều kiện quy định các công suất 5% (nếu phần trăm) tổng số phần trăm thông của Ngân hàng trả lên và ngân hàng có liên quan khác;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại mục a và mục b, khoản 1, Điều 65 của Luật này và Ngân hàng có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

2. Các hợp đồng, giao dịch và các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn có của Ngân hàng phải công khai chi phí. Trong trường hợp này, công khai liên quan không có quy định cụ thể quy định. Hội đồng quản trị trình đồng thời hợp đồng hoặc giải trình nội dung chi phí của giao dịch tài chính phải công khai hoặc công khai ý kiến bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch chi phí quản trị khi có sự công khai điều kiện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phi thuế còn lại.

3. Các hợp đồng, giao dịch và các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn có của Ngân hàng phải công khai Hội đồng quản trị chi phí. Tổng giám đốc Ngân hàng gửi các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh Ngân hàng đồng thời hợp đồng hoặc thông báo nội dung chi phí của giao dịch. Hội đồng quản trị quy định chi phí quản trị hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quy định cụ thể.

4. Trường hợp hợp đồng giao kết hoặc thực hiện mà chưa công khai chi phí công khai Hội đồng quản trị chi phí theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì hợp đồng vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Công khai, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải bất kỳ ngân hàng thì phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi nhuận của bất kỳ ngân hàng, giao dịch đó.

M c 8

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Đ i u 69. Công nhân viên và công oàn

T ăng giám c ả ph i l p k ho ch H i ệ ng qu n tr thông qua các v n li ệ n quan n vi c tuy n đ ể ng, lao ễ ng, bu c thôi vi c, l ễ ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ể ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ễ ng c ng nh nh ng m i quan h c a Ngân hàng v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l v à chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l v à chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Ngân hàng và quy nh pháp lu t hi ệ n hành.

Ch ể ng IV

M I QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC N V THÀNH VIÊN

M c 1

CÁC N V TR C THU C, CÔNG TY TR C THU C, CÔNG TY LIÊN K T C A NGÂN HÀNG

Đ i u 70. Các n v tr c thu c, Công ty tr c thu c, Công ty liên k t c a Ngân hàng

1. Ngân hàng có các n v tr c thu c, các Công ty tr c thu c, Công ty liên k t.
2. Ngân hàng có th ể thành l p các n v tr c thu c trong n c và n c ngoài h tr ho t ể ng c a Ngân hàng theo ngh quy t, quy t nh c a H i ệ ng qu n tr v à trong ph m vi pháp lu t cho phép.

M c 2

QUAN H GI A NGÂN HÀNG V I CÁC N V TR C THU C

Đ i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các n v tr c thu c

Các n v tr c thu c h ch toán ph thu c Ngân hàng, th c hi ệ n ho t ể ng kinh doanh, h ch toán, t ch c, nhân s v à các ho t ể ng khác theo ch ể phân c p, y quy n c a Ngân hàng và c c th hóa t i quy ch t ch c và ho t ể ng c a các n v này. Quy ch ho t ể ng do T ăng giám c xây đ ể ng và trình H i ệ ng qu n tr phê duy t. Ngân hàng ch u trách nhi m v các ngh a v tài chính phát sinh i v i các cam k t h p pháp c a các n v tr c thu c.

M c 3

QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Điểm 72. Quy định về đóng góp của Ngân hàng trong các Công ty có liên quan

1. Ngân hàng giao quyền cho người đi đầu theo quy định của Ngân hàng trực tiếp thay mặt Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan trong phạm vi giới hạn của các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Ngân hàng quy định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, đầu tư bổ sung mức đầu tư vào các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

3. Quy định và nghĩa vụ của người đi đầu theo quy định của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tất cả những điều kiện như sau.

Điểm 73. Chiến lược, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi Ngân hàng nắm quyền chi phối đầu tư vào Công ty có liên quan, quy định chiến lược, hỗ trợ sẽ được quy định trong giới hạn và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các nội dung sau:

a) Biện pháp quy định và phê duyệt giới hạn hoạt động;

b) Biện pháp quy định về phê duyệt phòng ngừa rủi ro chiến lược kinh doanh;

c) Biện pháp quy định về phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;

d) Biện pháp quy định về phê duyệt các phòng ngừa rủi ro kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ngoài của Công ty có liên quan;

e) Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính để kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;

f) Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Ngân hàng để chia sẻ các rủi ro có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;

g) Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chuyển rủi ro đầu tư về phía Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan;

h) Các nội dung khác theo giới hạn của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật;

2. Ngân hàng hỗ trợ cho các nhân viên thành viên bằng cách xác định và đưa ra những hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy các thế mạnh của các nhân viên thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các nhân viên thành viên. Hoạt động hỗ trợ, hỗ trợ thông tin, đầu tư giúp các thành viên xác định trên cơ sở ưu tiên những lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quy định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đầu tư vào các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quy định của người đi đầu theo quy định của Ngân hàng để chia sẻ các vai trò quản lý, đầu tư hành động tại các Công ty có liên quan.

điều 74. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điều 73 của Luật này:

1. Ngân hàng quy định nội dung cấu trúc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức theo mô hình có Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty đối với cấu trúc quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty.

3. Ngân hàng phân công cho Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cấu trúc quản trị theo mô hình Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cấu trúc quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty) quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:

a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

b) Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo nghĩa của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

4. Ngân hàng thực hiện các quy định và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều 1 này, điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

điều 75. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điều 73 của Luật này:

1. Ngân hàng thực hiện quy định chi phí của công, bên góp vốn chi phí thông qua nghĩa vụ đối với mình là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng công.

2. Thực hiện các quy định và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều này, điều lệ của các Công ty trách nhiệm có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế và quy định khác có liên quan của pháp luật.

điều 76. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết

Ngân hàng có quy định và nghĩa vụ của công đối với các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định của pháp luật.

**Chương V
CÁC CHỨC TÀI CHÍNH**

M c 1

H TH NG K TOÁN VÀ N M TÀI CHÍNH

i u 77. H th ng k toán

1. H th ng k toán Ngân hàng s d ng là H th ng k toán theo quy nh c a B Tài chính, Ngân hàng Nhà n c và pháp lu t khác có liên quan;
2. Ngân hàng s d ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán;
3. Các s sách k toán c a Ngân hàng c l p b ng ti ng Vi t theo quy nh c a Pháp lu t.

i u 78. N m tài chính

N m tài chính c a Ngân hàng b t u t ngày 1 (m ng m t) tháng 01 (d ng l ch) hàng n m và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m. N m tài chính u tiên t ngày c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m ó.

M c 2

KI M TOÁN VÀ CON D U

i u 79. Ki m toán

1. i h i ng c ông th ng niên s y quy n cho H i ng qu n tr l a ch n m t công ty ki m toán c l p, ho t ng h p pháp t i Vi t Nam và c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ki m toán cho các công ty niêm y t, ti n hành các ho t ng ki m toán Ngân hàng cho n m tài chính t p theo đ a trên nh ng i u kho n và i u ki n tho thu n v i H i ng qu n tr .
2. M t b n sao c a báo cáo ki m toán c ính kèm v i m i b n báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng.
3. Ngân hàng s chu n b và g i báo cáo tài chính hàng n m cho công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.
4. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng 2 (hai) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Các nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n v i c ki m toán cho Ngân hàng ph i c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n, n u pháp lu t có yêu c u.
5. Ki m toán viên th c hi n v i c ki m toán báo cáo tài chính c a Ngân hàng s c phép tham đ m i cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

Điều 80. Con dấu

Chỉ định công, Chỉ định quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 3

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 81. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng sử dụng trực tiếp theo quy định của Chỉ định công, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 82. Trích lập quỹ

1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Mục tiêu của quỹ này không vượt vốn điều lệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

b) Trích lập vào Quỹ dự trữ tài chính 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và chi phí phát triển 25% (hai mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, và các quỹ phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của Chỉ định công.

c) Trích lập cho các công.

Tổng trích lập các quỹ trên do Chỉ định công quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 83. Trích lập

1. Các công chia theo quy định của Chỉ định công trên cơ sở nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả công cho công nhân sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ trực tiếp theo quy định của điều này và Pháp luật; ngay sau khi hết sự cố, Ngân hàng vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác (nếu có).

2. Công trả cho công nhân ưu đãi thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại công nhân.

3. Công trả cho công nhân thông tin xác nhận về nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Chỉ định công quy định.

4. Công có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng khoán của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị nghị và Chỉ định công quy định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì thực hiện bằng hình thức Vi t Nam và có thể thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của công.

C t c có th c thanh toán b ng chuy n kho n qua ngân hàng khi Ngân hàng ã có chi ti t v ngân hàng c a c ông có th chuy n tr c ti p c vào tài kho n ngân hàng c a c ông. Ngân hàng không ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t vi c chuy n kho n ó trong tr ng h p ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi ti t v ngân hàng nh thông báo c a c ông. Trong tr ng h p c phi u c niêm y t t i S giao d ch ch ng khoán ho c Trung tâm giao d ch ch ng khoán, vi c thanh toán c t c i v i các c ph n này có th c ti n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán.

5. H i ng qu n tr ph i l p danh sách c ông c nh n c t c, xác nh m c c t c c tr i v i t ng c ph n, th i h n và hình th c tr ch m nh t 30 (ba m i) ngày tr c m i l n tr c t c. Thông báo v tr c t c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch ng ký t t c c ông ch m nh t 15 (m i l m) ngày tr c khi th c hi n tr c t c.

Thông báo ph i ghi rõ tên Ngân hàng; h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông là t ch c; s l ng c ph n t ng l o i c a c ông; m c c t c i v i t ng c ph n và t ng s c t c mà c ông ó c nh n, th i i m và ph ng th c tr c t c; h , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c c a Ngân hàng.

6. Tr ng h p c ông chuy n nh ng c ph n c a mình trong th i gian gi a th i i m k t thúc l p danh sách c ông và th i i m tr c t c thì ng i chuy n nh ng là ng i nh n c t c t Ngân hàng.

7. H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Ngân hàng và phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

8. Tr tr ng h p c phi u có các quy n i kèm ho c các i u kho n phát sinh c phi u có quy nh khác, m c c t c c a nh ng c phi u ch a c thanh toán h t c tr theo t l t ng ng v i các kho n ti n ã thanh toán cho vi c mua c phi u ó tính n th i i m chi tr c t c. Ngân hàng không chi tr c t c b sung khi các c phi u ó ch a c thanh toán h t.

9. Ngân hàng không tr lãi cho b t c m t kho n c t c hay kho n ti n nào khác mà c ông ch a nh n c khi n h n tr c t c.

Ch ng VI

S SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG

i u 84. Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng qu ý

1. Báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng bao g m: b ng cân i k toán, báo cáo l u chuy n ti n t , báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh, thuy t minh báo cáo tài chính, thu và tình hình th c hi n ngh a v i v i Nhà n c.

Ngoài các báo cáo nêu trên, Ngân hàng l p các báo cáo hàng n m bao g m: báo cáo tài chính h p nh t; báo cáo t ng h p k t qu kinh doanh hàng n m; báo cáo t ng h p công tác qu n lý, i u hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, các kỹ thuật toán trừ khi trình bày những công việc xem xét, thông qua. Tổng giám đốc ngân hàng chịu trách nhiệm vì các báo cáo nêu trên của năm này.

3. Ngân hàng sẽ lập báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng và hàng quý và nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu trên của năm này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng và gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định kiểm soát và báo cáo kỹ thuật toán phải có trừ số chính của Ngân hàng chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm của các kỹ thuật toán, sau khi Ban kiểm soát thẩm định số năm yết thị trừ số chính của Ngân hàng và thông báo nội dung các công việc chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng và công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần tiếp theo. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính các kỹ thuật toán, báo cáo quý và 6 (sáu) tháng của Ngân hàng phải công bố trên website đó.

6. Các báo cáo tài chính hàng năm của Hội đồng công bố thông qua gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 85. Quy định về kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Công của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách công; xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép từ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Hội đồng và các nghị quyết của Hội đồng.

2. Ngoài quy định trên theo quy định của Điều lệ này, công nhân nhóm công nhân thuộc các phòng ban, bộ phận, Điều 26 Điều lệ này có quy định về hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ sách công của Ngân hàng, danh sách công và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu công cộng.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đến quyền kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính hàng năm của các kỹ thuật toán, báo cáo 6 (sáu) tháng và hàng quý trong giới làm việc của Ngân hàng và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 86. Chế độ tài liệu của Ngân hàng

1. Ngân hàng phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Ngân hàng:

a) Điều lệ Ngân hàng; số tài liệu, bổ sung điều lệ Ngân hàng; quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; sổ sách ký công;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

- c) Tài li u, gi y t xác nh n quy n s h u tài s n c a Ngân hàng;
- d) Biên b nh p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; các quy t nh c a Ngân h àng;
 -) B n cáo b ch phát hành ch ng khoán;
- e) Báo cáo c a Ban ki m soát, k t lu n c a c quan thanh tra, k t lu n c a t ch c ki m toán c l p;
- g) S k toán, ch ng t k toán, báo cáo tài chính h ng n m;
- h) Các tài li u khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Th i h n l u gi các tài li u nêu t i kho n l i u này th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

3. T ng giám c Ngân hàng ch u trách nhi m t ch c vi c l u gi và b o m t h s , tài li u Ngân hàng theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

i u 87. Công b thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng ph i công b ra công chúng các báo cáo tài chính hàng n m và các tài li u b tr khác theo nh ng quy nh c a c quan nhà n c có th m quy n và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a pháp lu t liên quan.

Ch ng VII

T CH C L I, GI I TH VÀ PHÁ S N NGÂN HÀNG

i u 88. T ch c l i

Vi c chia, tách, h p nh t, sáp nh p và chuy n i Ngân hàng c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

i u 89. Gi i th Ngân hàng

1. Ngân hàng b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:

- a) Theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- b) Không còn s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t trong th i h n sáu tháng liên t c;
- c) B thu h i Gi y phép thành l p, ho t ng ho c Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;
- d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ngân hàng ch gi i th khi b o m thanh toán h t các kho n n v à ngh a v tài s n khác.

3. Các quy t nh gi i th Ngân hàng do i h i ng c ông thông qua và ph i c thông báo lên c quan có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t.

4. Ch m nh t trong th i h n 6 (sáu) tháng k t ng ày có quy t nh gi i th Ngân hàng, H i ng qu n tr thành l p Ban thanh lý g m t i thi u 3 (ba) thành viên, trong ó m t thành viên

do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kế toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Hội đồng chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên trong số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia bên ngoài. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản của Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.

5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho các quan hệ kinh doanh và ngày cuối thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

6. Tài sản thuộc về việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bổ sung theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;
- c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
- d) Các khoản vay và nợ khác của Ngân hàng;

Đến cuối năm tài chính sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ thì mà năm tài chính này sẽ phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 90. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VIII

GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP, SAI LẠM VÀ BẤT SUNG ÍCH LẠI NGÂN HÀNG

Điều 91. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quy định của các công đồng phát sinh từ nội quy này hay từ bất kỳ quy định nào khác do pháp luật quy định, giải quyết:

- a) Mọi công đồng hay các công đồng của Ngân hàng;
- b) Mọi công đồng hoặc các công đồng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp của Ngân hàng.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị,

b t c bên nào c ng có th yêu c u ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Trong tr ng h p không t c quy t nh hòa gi i trong vòng 6 (sáu) tu n t khi b t u quá trình hòa gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hòa gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra c quan tr ng tài ho c toà án có th m quy n.

3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hòa gi i. Các chi phí c a toà án hay tr ng tài s do các c quan này quy t nh bên nào ph i ch u.

i u 92. B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét, quy t nh.

2. Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Ngân hàng ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a Ngân hàng.

Ch ng IX

I U KHO N THI HÀNH

i u 93. i u kho n chung

1. Ngôn ng chính th c c s d ng trong các cu c h p i h i ng c ông, h p H i ng qu n tr , h p Ban ki m soát là ti ng Vi t; ngôn ng s d ng trong các v n b n i u l , quy ch , quy nh, quy t nh c a Ngân hàng c ng nh trong biên b n các cu c h p k trên là ti ng Vi t. Các c ông n c ngoài t chu n b ng i và ch u các chi phí phiên d ch, biên d ch t ti ng Vi t sang ti ng n c ngoài.

2. i u l c i h i ng c ông Ngân hàng nh t trí thông qua ngày 21 tháng 3 n m 2008 và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này. i u l này thay th i u l ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam do i h i ng c ông thông qua t i cu c h p i h i c ông t ch c ngày 28 tháng 02 n m 2003 và c Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y theo quy t nh s 752/Q -NHNN ngày 10 tháng 7 n m 2003.

3. i u l này có hi u l c k t ngày c Th ng c Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam chu n y.

4. i u l này g m 9 (chín) ch ng, 93 (chín m i ba) i u, c l p thành 10 (m i) b n, có giá tr nh nhau, trong ó:

a) 01 (m t) b n n p t i y ban ch ng khoán Nhà n c;

b) 02 (hai) b n n p Ngân hàng Nhà n c;

c) 05 (n m) b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh pháp lu t;

c) 02 (hai) b n l u tr t i Ngân hàng.

5. Điều này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

6. Các bản sao hoặc trích lục Điều Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**